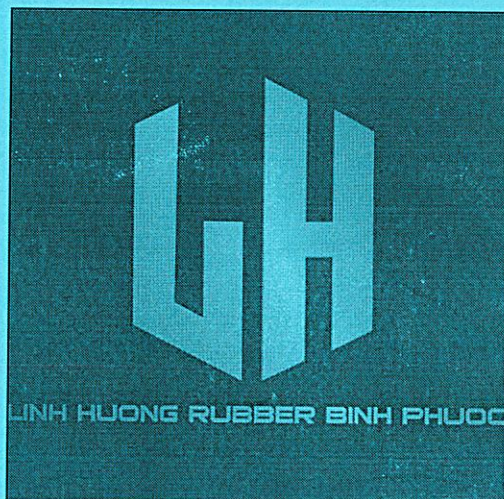




NHÓM CHỨNG CHỈ CAO SU LINH HƯƠNG

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (SIA)

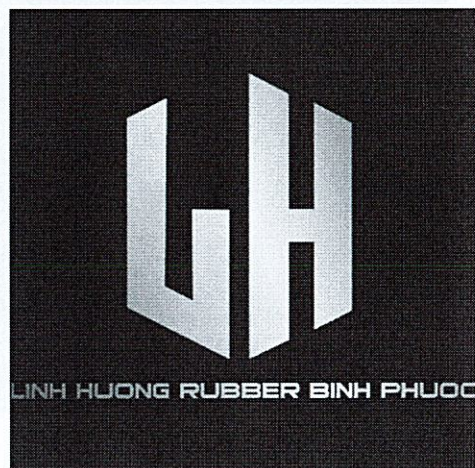


LINH HUONG - FCG

Bình Tân, Tháng 9/2026

NHÓM CHỨNG CHỈ CAO SU LINH HƯƠNG

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (SIA)



LINH HUONG - FCG

Bình Tân, Tháng 9/2026



MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	II
DANH MỤC BẢNG	III
I. Giới thiệu.....	1
II. Mục tiêu, Nội dung và Phương pháp đánh giá.....	2
2.1. Mục tiêu.....	2
2.2. Nội dung đánh giá	2
2.3. Phương pháp đánh giá.....	3
III. Kết quả đánh giá	3
3.1. Nhận diện thành phần dân tộc/người bản địa.....	3
3.2. Xác định các bên liên quan và vai trò	4
3.3. Tác động tích cực	5
3.4. Thực trạng triển khai FPIC.....	8
3.5. Ảnh hưởng tiêu cực và dự báo nguy cơ tiềm ẩn	9
3.6. Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất kinh doanh cao su	13
IV. Kết luận và kiến nghị.....	15
4.1. Kết luận	15
4.2. Kiến nghị.....	17
PHỤ LỤC	19
Phụ lục 2. Danh sách các hộ dân tiến hành khảo sát hiện trường.....	22
Phụ lục 3: Danh sách phỏng vấn.....	24
Phụ lục 4. Một số hình ảnh	25



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải
CCR	Chứng chỉ rừng
FSC	Hội đồng quản lý rừng (Forest Stewardship Council)
SIA	Đánh giá tác động xã hội
QLRBV	Quản lý rừng bền vững

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Ảnh hưởng tiêu cực và thực trạng	9
Bảng 2. Dự báo nguy cơ tiềm ẩn và giải pháp khắc phục	11
Bảng 3. Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cao su	13



I. Giới thiệu

Nhóm Chứng chỉ (CC) Cao su Linh Hương là nhóm hộ thực hiện mô hình quản lý rừng bền vững tại các xã/phường thuộc tỉnh Bình Phước (cũ) theo tiêu chuẩn FSC, gắn liền việc nâng cao chuỗi giá trị cao su với trách nhiệm môi trường và xã hội.

Quản lý rừng bền vững phải đảm bảo 3 mục tiêu (i) Kinh tế; (ii) Môi trường và (iii) Xã hội, và tuân thủ quy trình, quy phạm, quy định của Nhà nước về quản lý rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện sinh kế cho người dân ở khu vực nông thôn và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

Năm 2025 là năm thứ 5 thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021 đến 2025, đẩy mạnh và phục hồi kinh tế sau sự ảnh hưởng của đại dịch covid - 19 và thiên tai bất thường trong những năm qua. Theo số liệu báo cáo kinh tế 6 tháng đầu năm 2025 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ):

(1) Công tác thu ngân sách nhà nước tăng 32,04% so với cùng kỳ năm 2024. Thu hút vốn đầu tư trong nước tăng mạnh: Ước thực hiện 6 tháng đầu năm thu hút được 9 dự án với số vốn thu hút là 32.100 tỷ đồng (bao gồm cấp mới và điều chỉnh tăng vốn). Phát triển doanh nghiệp đạt kết quả tích cực: Ước thực hiện 6 tháng đầu năm có 760 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, đạt 69% kế hoạch, bằng 139,7% so với cùng kỳ năm 2024; với số vốn đăng ký là 10.250 tỷ đồng.

(2) Sản xuất công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng cao 14,83%; hoạt động thương mại, dịch vụ, xuất khẩu tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước; sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển ổn định.

(3) Lĩnh vực văn hóa - xã hội đạt nhiều kết quả tích cực. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, ước đến hết tháng 6/2024, toàn tỉnh có 260/390 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỉ lệ 66,67% so với tổng số trường công lập trên địa bàn tỉnh. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế tiếp tục được quan tâm đầu tư, thực hiện theo quy định; đã đảm bảo đầy đủ thuốc và vật tư y tế phục vụ cho công tác khám chữa bệnh cho người dân được đảm bảo.

Nhóm Chứng chỉ cao su Linh Hương với Quản lý Nhóm là Công ty TNHH MTV



SX TM Linh Hương đăng ký thực hiện chứng chỉ Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC trên địa bàn các xã/phường thuộc tỉnh Bình Phước (cũ), nhằm góp phần bảo vệ môi trường và cải thiện sinh kế cho người dân ở khu vực nông thôn, đồng bào dân tộc. Duy trì và tăng cường phúc lợi xã hội cho người làm nông nghiệp, lâm nghiệp. Ưu tiên bảo đảm công việc ổn định và an toàn lao động cho những người tham gia. Qua đó, đẩy mạnh sự phát triển kinh tế xã hội tại các xã so với cùng kỳ phát triển năm 2024.

Hàng năm Nhóm Chứng chỉ Cao su Linh Hương tiếp tục mở rộng diện tích, quy mô trên địa bàn các xã/phường thuộc tỉnh Bình Phước (cũ) - có diện tích quy hoạch vùng nguyên liệu cho nhà máy sản xuất nguyên liệu của Công ty TNHH MTV SX TM Linh Hương và nhu cầu thu mua mủ, gỗ cao su FSC tại địa phương.

II. Mục tiêu, Nội dung và Phương pháp đánh giá

2.1. Mục tiêu

Phân tích, xác định được các tác động và đưa ra biện pháp làm giảm thiểu tác động tiêu cực tới cán bộ, công nhân viên, cộng đồng dân cư và các bên liên quan khi thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh mủ/gỗ cao su của Nhóm.

2.2. Nội dung đánh giá

Nội dung đánh giá tác động xã hội gồm 2 phần:

(i) Tác động xã hội nội bộ cơ quan/đơn vị của chủ rừng

Nội bộ đơn vị chủ rừng bao gồm các nhóm đối tượng: Tất cả các thành viên trong Ban Quản lý Nhóm Chứng chỉ Cao su Linh Hương, Cán bộ thu gom, và các thành viên Nhóm.

Đánh giá tác động xã hội nội bộ là xem xét các vấn đề ảnh hưởng đến các quá trình vận hành của Ban Quản lý các cấp và các thành viên của nhóm, khi thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh cao su:

(ii) Tác động xã hội bên ngoài cơ quan/đơn vị có liên quan đến hoạt động lâm nghiệp:

Cộng đồng dân cư sống trong hoặc gần rừng cho chủ rừng quản lý;



Các bên liên quan tại địa phương;

Đánh giá tác động xã hội bên ngoài liên quan đến mối quan hệ giữa chủ rừng với cộng đồng thôn bản và các bên liên quan trong việc chia sẻ trách nhiệm và quyền lợi từ rừng.

2.3. Phương pháp đánh giá

Phương pháp kế thừa các tài liệu, nghiên cứu đã có.

Phương pháp phỏng vấn hộ gia đình, thiết kế, sử dụng phiếu phỏng vấn chủ rừng để thu thập thông tin về kinh tế, xã hội, hoạt động trồng rừng của chủ rừng (Theo mẫu phỏng vấn như phụ lục 1).

Quan sát thực tế các vấn đề liên quan.

Tham vấn các kết quả, nội dung báo cáo trong quá trình thực hiện.

III. Kết quả đánh giá

3.1. Nhận diện thành phần dân tộc/người bản địa

Các hộ dân là chủ vườn hoặc đang sản xuất cao su trên diện tích cao su của Nhóm. Thành phần dân tộc ở địa phương tương đối đa dạng. Tuy nhiên, thành phần dân tộc chính của Nhóm CC cao su Linh Hương đa số là người Kinh và một số người thuộc các thành phần dân tộc khác di cư từ miền Bắc vào và một số người Hoa. Năm 2026 thành viên Nhóm có giảm một số hộ, do chuyển đổi cây trồng sau khi tái canh. Số hộ giảm 5, số lô giảm là 21 và Diện tích Nhóm giảm 68,56 ha.

Thành phần Dân tộc của thành viên nhóm CC cao su Linh Hương năm 2026 tại các xã trên như Bảng sau:

Bảng 1. Thành phần dân tộc của Nhóm CC cao su Linh Hương

TT	Thành phần dân tộc	Số hộ	Tỷ lệ (%)
1	- Kinh	94	85,45
2	- Nùng	02	1,82
3	- Khmer	02	1,82
4	- H'mông	01	0,90



5	- Hoa	09	8,19
6	- Thái	02	1,82
Tổng		110	100

Theo khảo sát và thảo luận tại các cuộc họp nhóm, hiện tại không tồn tại các khu rừng thiêng, rừng ma. Các lễ hội cũng như đặc điểm văn hoá của người đồng bào, người Hoa đều được địa phương quan tâm. Tuy nhiên, trong những năm trở lại đây, những tập tục mang tính không phù hợp đã được loại bỏ và chỉ gìn giữ, phát huy những giá trị văn hoá đẹp, phù hợp với sự phát triển chung của tỉnh. Chẳng hạn như tục Cà răng-Căng tai gần như không còn duy trì.

Ngoài ra, thành viên Nhóm Chứng chỉ cao su Linh Hương còn có một tỷ lệ các hộ dân người dân tộc di cư từ miền Bắc: Nùng, Thái và H'mông. Một lễ hội truyền thống của người Nùng đã được các địa phương quan tâm tổ chức là lễ Lồng Tồng.

Nhìn chung, ngoài các giá trị về lễ hội, văn hoá truyền thống của người đồng bào được chính quyền địa phương tạo điều kiện gìn giữ và phát huy, các hoạt động về mặt sản xuất kinh doanh hay sinh hoạt của người dân tộc hiện nay cũng đã phần lớn hội nhập với người Kinh và không có nhiều sự khác biệt lớn giữa các thành phần dân tộc trong canh tác cao su.

3.2. Xác định các bên liên quan và vai trò

Các bên liên quan chịu ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp, tích cực/tiêu cực bởi hoạt động của tổ chức nhóm được tổng hợp trong Bảng sau.

Bảng 2. Các bên liên quan chịu tác động và nhu cầu

Bên chịu ảnh hưởng	Trực tiếp	Gián tiếp	Tích cực	Tiêu cực	Nhu cầu của họ
Các cấp quản lý nhà nước liên quan	x	x	x		Các cấp quản lý nhà nước như UBND tỉnh, xã/phường; Phòng NN&MT, Chi cục KL... mong muốn thúc đẩy sự phát triển và mở rộng của tổ chức nhóm và duy trì thực hiện QLRBV và chứng chỉ rừng
Cộng đồng địa	x	x	x	x	- Cộng đồng địa phương mong muốn



phương					học hỏi kinh nghiệm, kỹ thuật, giống tốt,... - Nhu cầu được tạo điều kiện công ăn việc làm từ các hoạt động SXKD của tổ chức nhóm - Được bồi thường thiệt hại nếu các hoạt động SXKD của nhóm gây ảnh hưởng đến họ
Các tổ đội vận xuất, khai thác, trồng cao su và thu mua mù/gỗ cao su	x		x	x	- Mong muốn được liên doanh liên kết với Công ty, chủ rừng để nhận khoán thực hiện các hoạt động - Được đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn, an toàn lao động - Được chi trả tiền hợp đồng dịch vụ đúng thời hạn
Các doanh nghiệp buôn bán, sản xuất các sản phẩm từ mù/gỗ cao su; các xưởng xẻ	x	x	x	x	- Mong muốn được liên doanh liên kết với Nhóm để sản xuất theo mô hình chuỗi - Bao tiêu nguồn nguyên liệu có chứng chỉ thông qua hình thức ký cam kết với người trồng rừng - Hỗ trợ chi phí đánh giá duy trì chứng chỉ để độc quyền nguồn cung cấp nguyên liệu
Các nhà tri thức, các tổ chức bảo vệ môi trường, xã hội	x	x	x		- Theo dõi các hoạt động của tổ chức nhằm mục đích bảo vệ môi trường, quyền động vật, đa dạng sinh học, quyền của người lao động,...
Các thành viên là chủ rừng	x	x	x	x	- Mong muốn đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến chứng chỉ rừng (giám sát đánh giá, kê khai hồ sơ lâm sản,...) - Nhu cầu tập huấn, nâng cao năng lực - Nhu cầu về nguồn vốn để tái sản xuất

(Kết quả thảo luận tại một số đợt truyền thông/tập huấn nhóm năm 2025)

3.3. Tác động tích cực

3.3.1. Quyền người lao động, sức khỏe và an toàn nghề nghiệp, bình đẳng giới (Nguyên tắc 2)

- Các hoạt động của Nhóm hộ đã tạo ra việc làm ổn định cho các hộ Thành viên, dự kiến nâng cao thu nhập đối với mù/gỗ được cấp chứng nhận FSC. Các hoạt động sản xuất của các hộ gia đình thành viên chủ yếu do các thành viên trong gia đình thực hiện nên không có tình trạng bất bình đẳng, không phân biệt giới tính, sắc tộc, tôn giáo.



- Khu vực diện tích tham gia cấp chứng chỉ rừng của các hộ thành viên là khu vực đã được quy hoạch trồng rừng sản xuất hoặc đất trồng cây lâu năm, không có tranh chấp, đã có ranh giới cụ thể, rõ ràng từng lô đất trên bản đồ và thực địa. Không có chuyển đổi rừng tự nhiên sang trồng rừng từ năm 1994 cho đến nay. Tỷ lệ hộ thành viên được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất hoặc các văn bản giao khoán hợp pháp là 100%.

- Cơ hội việc làm, thu nhập, bình đẳng giới trong lao động đã được cải thiện một cách đáng kể từ khi Nhóm hộ chứng chỉ rừng được hình thành và phát triển. Nhóm hộ có các cam kết về: chống quấy rối tình dục, phân biệt đối xử về giới tính, tham nhũng và những vấn đề này được ghi nhận không diễn ra ở phạm vi Nhóm tại địa phương trong nhiều năm qua. Đặc biệt UBND tỉnh Bình Phước (cũ) và các xã có nhiều chính sách ưu tiên cho con em là người dân tộc trong tuyển dụng lao động, việc làm.

- Đóng góp về mặt kinh tế. Hoạt động kinh doanh rừng đã tạo công ăn việc làm cho nguồn lao động tại địa phương và các xã lân cận. Điều này được thể hiện qua kết quả phỏng vấn đại diện các xã/ấp, hoạt động kinh doanh sản xuất cao su giúp gia tăng hiệu quả kinh tế cho chủ rừng và tạo ra công việc cho những người dân lân cận. Do đó, hoạt động sản xuất rừng trồng bền vững giúp đẩy mạnh công cuộc xóa đói giảm nghèo tại địa phương và các vùng phụ cận.

- Các Hộ dân được tập huấn và hướng dẫn sử dụng các dụng cụ bảo hộ an toàn lao động cho người lao động phù hợp với điều kiện làm việc khác nhau theo quy định như: “được trang bị, hướng dẫn sử dụng bảo hộ thợ cưa theo yêu cầu quốc tế”; Hướng dẫn, tập huấn sử dụng hóa chất đảm bảo an toàn cho sức khỏe của người lao động theo quy định do nhóm hộ tổ chức..

- Trong nhiều năm qua không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, tiêu cực về quyền của người lao động, không xảy ra tai nạn, đảm bảo an toàn lao động và quyền bình đẳng giới trong nội bộ công ty Linh Hương cũng như nội bộ Nhóm. Công ty Linh Hương và nhóm hộ có cơ chế, quy trình giải quyết khiếu nại, tranh chấp được ban hành và áp dụng để xử lý khi có các vụ việc liên quan xảy ra.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ trong Ban Quản lý Nhóm Chứng chỉ Cao su Linh Hương cũng như các nhân viên thu mua và thành viên hộ gia đình về Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC. Căn cứ các rà soát điều kiện ban đầu và giám sát hiện trường, Ban Quản lý Nhóm sẽ xây dựng kế hoạch tập huấn (nội dung tập huấn, thời gian tập huấn,



số lượng người tham gia...), xây dựng chiến lược truyền thông để tăng cường kiến thức về Quản lý RBV theo tiêu chuẩn FSC và thay đổi nhận thức, tập quán canh tác của người dân địa phương theo hướng bền vững.

- Tăng cường sự tham gia quản lý và vận hành hệ thống Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC giữa các bên liên quan tại địa phương. Điều này góp phần rất lớn trong quá trình quản lý Nhóm Chứng chỉ Cao su Linh Hương đáp ứng các tiêu chuẩn Quốc tế.

3.3.2. Người dân tộc và các quyền hợp pháp và/hoặc quyền truyền thống. (Nguyên tắc 3)

Người dân tộc và các quyền hợp pháp và/hoặc quyền truyền thống liên quan đến hoạt động quản lý

- Thành phần dân tộc chủ yếu tham gia nhóm chứng chỉ cao su Linh Hương: dân tộc tham gia nhóm chiếm nhiều nhất là dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ 85.45%. Các thành phần dân tộc khác chiếm tỷ lệ thấp như số liệu ở Bảng 1.

Kết quả phỏng vấn các bên liên quan tại địa phương cho thấy người dân các dân tộc tại đây, chung sống với nhau đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau trong đời sống sản xuất với mục tiêu cùng phát triển. Trên địa bàn người dân tộc thiểu số/bản địa, không có quyền truyền thống, họ có các quyền lợi hợp pháp và các nghĩa vụ bình đẳng như người dân tộc Kinh. Người các dân tộc khác cùng có chung chính sách và được ưu tiên hơn so với người dân tộc Kinh như được hỗ trợ bảo hiểm xã hội, con em người dân tộc đến trường học không phải đóng học phí, hỗ trợ tập huấn đào tạo, tạo công ăn việc làm, hướng nghiệp và các chính sách vay vốn ưu đãi.

- Nhóm chứng chỉ cao su Linh Hương đã và luôn xác định duy trì các quyền hợp pháp của người dân tộc đối với các quyền quản lý và sử dụng đất đai, quản lý và sử dụng các tài nguyên lâm sản ngoài gỗ khác ngoài mù cao su để phục vụ sinh hoạt hàng ngày của người dân. Tuy nhiên, nguồn lâm sản ngoài gỗ hiện còn là rất ít, đã cạn kiệt chỉ được thu hái sử dụng trong gia đình, không được thu hái để bán.

- Tại khu vực trồng cao su của hộ gia đình tham gia Nhóm Chứng chỉ cao su Linh Hương và các khu rừng cao su lân cận chưa thấy có xuất hiện kiến thức truyền thống của người dân tộc, không tồn tại các địa điểm văn hoá, tín ngưỡng của cộng đồng địa phương. Việc trồng, chăm sóc và khai thác Cao Su được áp dụng các kiến thức, quy trình chung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.



- Trong quá trình rà soát diện tích đầu vào, Nhóm đã xác định được một số khu vực lảng mô lân cận diện tích rừng của hộ thành viên. Các vị trí này đã được đánh dấu trên bản đồ Nhóm. Đồng thời qua phỏng vấn và tham vấn các bên liên quan cho thấy hoạt động Sản xuất kinh doanh cao su của Nhóm không gây ảnh hưởng đến các khu vực này.

- Các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân chủ yếu sử dụng lao động chính trong gia đình hoặc thực hiện làm đôi công với anh em cùng dòng họ, không sử dụng lao động bị quản thúc, không sử dụng trẻ em dưới 16 tuổi, bình đẳng về thu nhập, bình đẳng giới, bình đẳng giữa các dân tộc và các vấn đề liên quan khác theo quy định của Chính Phủ Việt Nam và quy định của Hội đồng chứng chỉ rừng thế giới.

3.3.3. Cải thiện sinh kế cho cộng đồng dân cư và người dân địa phương

Có tới hơn 80% số hộ trên địa bàn đã và đang sở hữu và trồng, sản xuất rừng/vườn Cao Su. Người dân địa phương tham gia các hoạt động sản xuất theo hình thức làm đôi công hoặc làm khoán theo thời vụ như: trồng rừng, chăm sóc rừng trồng, khai thác rừng trồng..vv. các hoạt động này giúp tạo thêm thu nhập và việc làm cho lao động địa phương. Chính quyền địa phương xác nhận là người dân đã đánh giá khá tốt lợi ích của sản xuất kinh doanh cao su, giúp cộng đồng phát triển kinh tế xã hội vì nó không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế cho chủ rừng/vườn mà những người trong cộng đồng cũng được hưởng lợi. Cây trồng Cao Su là Cây chủ đạo và là mũi nhọn phát triển kinh tế của tỉnh Bình Phước (cũ). Nó đã và đang mang lại nhiều nguồn thu cho người dân, nâng cao thu nhập, đời sống, tạo công ăn việc làm phát triển kinh tế - xã hội.

3.4. Thực trạng triển khai FPIC

Trong quá trình xây dựng và triển khai công tác quản lý và hoạt động sản xuất, tìm kiếm sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được thông tin đầy đủ luôn là định hướng trong chiến lược của Nhóm. Nhóm hộ đã có mối quan hệ và phối hợp tốt với chính quyền và các cơ quan liên quan trong việc xây dựng, triển khai, giám sát các hoạt động sản xuất. Điều đó được thể hiện qua vấn đề cơ bản sau:

- Trước khi thành lập Nhóm hộ, công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương, cấp thôn triển khai tuyên truyền, phổ biến sâu rộng tới người dân từng thôn. Tổ chức các cuộc tập huấn cung cấp thông tin đầy đủ về mô hình nhóm hộ và Tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC. Kế hoạch triển khai thực hiện và lợi ích Kinh tế - Môi trường – Xã hội cho toàn



thể người dân trồng rừng Cao Su tại nhà Văn hóa các Ấp hoặc tại các đại lý và ghi nhận ý kiến phản hồi từ người dân.

- Khi có các vấn đề thắc mắc của các cơ quan và người dân địa phương, Nhóm hộ đã chủ động phối hợp với các bên liên quan để giải quyết, làm rõ các vấn đề thấu tình đạt lý.

- Các kết quả của báo cáo đánh giá chuyên đề, Phương án quản lý rừng bền vững và Sổ tay quản lý nhóm cũng sẽ được Ban Quản lý Nhóm Tham vấn các bên liên quan một cách công khai, minh bạch nhằm tiếp thu các ý kiến góp ý phản hồi để hoàn thiện hơn trong hoạt động quản lý và sản xuất cao su của Nhóm.

3.5. Ảnh hưởng tiêu cực và dự báo nguy cơ tiềm ẩn

Một số mặt hạn chế tiêu cực đã và có thể xảy ra khi người dân kinh doanh trồng cao su như sau:

(1) Một số hộ gia đình vẫn sử dụng lửa không kiểm soát để xử lý thực bì trước khi trồng rừng.

(2) Sử dụng hóa chất, thuốc BVTV trong quá trình canh tác.

(3) Thiên tai

(4) Nguồn thu mua chưa ổn định, còn bấp bênh và phụ thuộc nhiều vào thị trường.

(5) Nguồn cây giống đạt chuẩn chưa phong phú, giống tại địa phương chưa đảm bảo tiêu chuẩn.

(6) Thiếu hụt tài chính do kinh doanh rừng có chu kỳ dài hơn kinh doanh nông nghiệp.

(7) An toàn trong sản xuất, lao động chưa được quan tâm

(8) Đường lâm sinh, đường dân sinh bị hư hỏng khi khai thác rừng.

Bảng 1. Ảnh hưởng tiêu cực và thực trạng

TT	Nội dung/ Hoạt động	Ảnh hưởng	Thực trạng
1	Sử dụng hóa chất diệt cỏ.	Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người sử dụng như ngộ độc khi thường xuyên hít phải. Ô nhiễm đến nguồn nước khi dư lượng thuốc diệt cỏ chưa phân hủy hết và ngấm xuống đất cũng như mạch	Trước đây đã có hộ gia đình trong vùng sử dụng, tuy nhiên người dân nhận thấy việc sử dụng thuốc diệt cỏ sẽ ảnh hưởng lớn đến con người và môi trường nên



		nước ngầm.	họ không sử dụng.
3	Thiên tai như gió bão hoặc nắng nóng.	Nếu trồng thuần loài, đều tuổi khi gặp thiên tai như cháy rừng, gió bão sẽ gây thiệt hại lớn đến kinh tế	Các xã đánh giá thuộc khu vực miền Nam, nơi thường xuyên đối mặt với điều kiện thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng vào mùa khô và thường hứng chịu mưa lụt vào mùa mưa.
4	Đầu ra không ổn định.	Thương lái là người trực tiếp thu mua rừng của người dân nên giá cả gần như thương lái quyết định. Khi nguồn nguyên liệu dồi dào họ dễ ép giá sản phẩm, đặc biệt khi gặp thiên tai gió bão làm gãy đổ tư thương ép giá rất rõ ràng và người dân buộc phải bán để hạn chế thiệt hại.	Hiện nay người dân trồng rừng chưa có nguồn thu mua ổn định, phụ thuộc nhiều vào thương lái;
5	Nguồn gốc cây giống chưa đảm bảo.	Nguồn gốc cây giống chưa được đảm bảo, chưa kiểm tra được xuất xứ nên chất lượng và năng suất rừng trồng biến động mạnh giữa các hộ và các lô rừng.	Người dân chưa chú ý về nguồn gốc cây giống. Một số hộ dân thường mua cây con ở các vườn ươm hộ gia đình chưa đảm bảo chất lượng.
6	Trang phục bảo hộ và an toàn lao động.	Dễ xảy ra tai nạn khi trực tiếp tham gia sản xuất lâm nghiệp như quá trình làm đất, khai thác, sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật.	Người dân thường chủ quan vì nghĩ rằng bản thân có kinh nghiệm trong các khâu sản xuất, dẫn đến việc không quan tâm đến các tai nạn rủi ro. Giá thành của đồ bảo hộ lao động khá đắt. Không quen khi sử dụng.



7	Hư hỏng đường dân sinh (cộng đồng).	Vào mùa mưa nước đọng che khuất các hố sâu có thể gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông của người dân địa phương và khu vực lân cận	Một số vị trí đường dân sinh bị hư hỏng, xuất hiện “ổ gà”, mặt đường bong tróc.
8	Sạt lở đường lâm sinh.	Đường lâm sinh hư hỏng gây khó khăn cho quá trình vận chuyển mù và hoạt động cạo mù của công nhân. Gặp sự cố cháy rừng các phương tiện tham gia chữa cháy khó di chuyển để tiếp cận sát đám cháy.	Rừng ở khu vực Nhóm tương đối bằng phẳng, các thành viên Nhóm chưa tiến hành thanh lý vườn, khai thác gỗ nên chưa phát hiện tác động của việc vận xuất gỗ cao su đến đường khai thác.

Bảng 2. Dự báo nguy cơ tiềm ẩn và giải pháp khắc phục

TT	Nội dung dự báo	Nguy cơ xảy ra	Giải pháp khắc phục
1	Cháy rừng do đốt thực bì.	Cao	Tuyên truyền nâng cao nhận thức, hạn chế việc sử dụng lửa để đốt thực bì. Nên xử lý thực bì bằng cách băm nhỏ thực bì và để thực bì tự phân hủy. Tập huấn kỹ thuật nâng cao năng lực cho người dân. Không được đốt xử lý thực bì khi có dự báo cháy rừng cấp 4 và cấp 5. Kết hợp với lực lượng chức năng giám sát chặt chẽ việc sử dụng lửa đốt xử lý thực bì vào mùa khô nóng. Trong trường hợp phải sử dụng biện pháp đốt xử lý thực bì cần thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật lâm sinh trong xử lý thực bì, đặc biệt là làm đường ranh đúng tiêu chuẩn và đốt đúng kỹ thuật.
2	Thiên tai như gió bão.	TB	Trồng hỗn giao các hàng cây bản địa vừa hạn chế cháy lan và là đai chắn gió an toàn cho



	nắng nóng kéo dài.		cây vườn cao su. Trồng lịch chu kỳ tránh rừng đều tuổi.
3	Đầu ra không ổn định.	TB	Ban Quản lý Nhóm Chứng chỉ cao su Linh Hương cần phối hợp với đại lý thu mua mủ uy tín, đảm bảo giá cả đầu ra cho hộ thành viên. Nhằm mục đích nâng cao giá trị mủ FSC đầu ra và giảm chi phí phát sinh do vận chuyển. Thường xuyên cập nhật và công khai giá cả thị trường và quy cách mua bán mủ cho các thành viên trong nhóm biết.
4	Trang phục bảo hộ và an toàn lao động.	TB	Trang bị các trang phục bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn, đặc biệt bảo hộ khi khai thác. Tập huấn nâng cao kỹ năng sử dụng phương tiện cơ giới, máy móc. Trang bị các túi cứu thương hiện trường và tập huấn về an toàn lao động cũng như cách sơ cấp cứu các tai nạn thường gặp trên hiện trường lô cao su.
5	Hư hỏng đường dân sinh.	TB	Giám sát tải trọng của các xe vận chuyển mủ. Đề xuất đóng góp quỹ cho địa phương để duy tu bảo dưỡng định kỳ đường dân sinh. Nếu quá trình vận chuyển gỗ gây hư hỏng trực tiếp cần có biện pháp yêu cầu khắc phục.
6	Sạt lở đường lâm sinh.	Thấp	Rừng ở khu vực đánh giá tương đối bằng . Tuy nhiên để tránh tác động đến các đường vận xuất trong và giữa các lô rừng, cần ưu tiên sử dụng, sửa chữa đường vận xuất sẵn có. Không thi công mở đường khai thác vào thời điểm mùa mưa chính của địa phương.
7	Sử dụng hóa chất, thuốc BVTV	Cao	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân nhằm hạn chế việc sử dụng hóa chất trong các hoạt động sản xuất nông-lâm nghiệp nói chung và lâm nghiệp nói riêng. Sử dụng đồ bảo hộ lao động phù hợp khi sử dụng hoá chất, thuốc BVTV



			Công khai danh mục các loại hoá chất cấm sử dụng trong Quản lý rừng bền vững tại các nhà hợp cộng đồng, Hợp tác xã.
8	Nguồn giống chưa đảm bảo.	Thấp	Đề xuất một số công ty cung cấp giống đảm bảo tiêu chuẩn. Xây dựng vườn ươm đạt tiêu chuẩn để cung cấp nguồn cây giống cho địa phương.

(Nguồn: Thảo luận nhóm và phân tích, 2025)

3.6. Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất kinh doanh cao su

Thông qua các buổi thảo luận nhóm, chúng tôi nhận thấy có nhiều nguy hiểm thường trực đối với người lao động tham gia vào hoạt động sản xuất lâm nghiệp. Trong đó, các mối nguy hiểm tập trung vào các nhóm hoạt động: trồng rừng (xử lý thực bì, đào hố làm đất, trồng cây), chăm sóc, bảo vệ, khai thác mủ/gỗ và vận xuất, vận chuyển.

Phần lớn các hoạt động sản xuất cao su có rủi ro cao là do thiếu các trang thiết bị bảo hộ lao động phù hợp và do tính chủ quan của người lao động.

Dựa trên việc nhận diện và dự báo các rủi ro tiềm ẩn có thể gây ra tai nạn cho người lao động trong quá trình sản xuất lâm nghiệp. Chúng tôi đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm hạn chế các thương tích nghiêm trọng.

Bảng 3. Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cao su

Mối nguy hiểm tiềm ẩn	Nguyên nhân	Giải pháp giảm thiểu
Bụi ảnh hưởng đến đường hô hấp.	Bụi từ đất đóng bầu làm ảnh hưởng đến đường hô hấp nếu không có khẩu trang bảo vệ.	Trang bị khẩu trang chống bụi đặc biệt khẩu trang chống bụi mịn.
Ngộ độc do tiếp xúc không an toàn với một số hoá chất.	Tiếp xúc trực tiếp không có các bảo hộ thích hợp.	Khi tiếp xúc trực tiếp phải có găng tay, khẩu trang, áo quần dài tay. Sau khi tiếp xúc cần tắm rửa sạch sẽ và thay áo quần.



Điện giật.	Rò rỉ điện ở các vị trí đầu nối, tiếp xúc không có thiết bị an toàn.	Thường xuyên kiểm tra các điểm đầu nối, khi tiếp xúc với các dụng cụ điện phải dùng găng tay cách điện.
Các hoạt động khai thác mù/gỗ và chăm sóc vườn cao su có nguy cơ bị Các loài động vật độc như rắn, rết, bọ cạp, ong chích, cắn.	Đây là nguy cơ xảy ra khá cao vì các loại này thường ẩn nấp dưới các tầng thảm mục, tán cây...	Cần xua đuổi, đánh động cho các vật độc di chuyển khỏi vị trí chúng ta làm việc. Mang trang phục bảo hộ lao động như mũ vải mềm kín đầu chuyên dùng trong cạo mù, găng tay, ủng, áo quần bảo hộ dài tay để hạn chế nọc độc tiếp xúc vào cơ thể khi bị tấn công.
Bỏng, ngạt do lửa.	Do đốt thực bì trước khi trồng, nguy cơ cháy lan vào rừng và người dân tham gia chữa cháy.	Chú ý an toàn khi tham gia chữa cháy, cần tham gia các khoá tập huấn nâng cao kỹ năng phòng cháy và chữa cháy rừng. Khi thấy mối nguy hiểm từ đám cháy lớn thì không được tiến hành chữa cháy trực tiếp. Tuân thủ sự chỉ đạo của người chỉ huy chữa cháy.
Trơn trượt ngã trên các sườn dốc.	Rừng có độ dốc khá lớn. Nguy cơ trượt chân ngã khi di chuyển hoặc trồng rừng trên sườn dốc, đặc biệt là vào mùa mưa.	Sử dụng ủng có độ bám tốt vào mùa mưa khi tiến hành các hoạt động trên đất dốc.
Đá, đất lăn, trượt theo sườn dốc.	Rừng núi có kết cấu đất yếu, độ dốc cao.	Sau khi mưa lớn cần kiểm tra nền đất trước khi tiến hành các hoạt động. Nếu thấy nền đất yếu cần dừng ngay các hoạt động.
Ngộ độc (nguồn nước, nấm độc, hoa quả, lá cây ở trong rừng).	Do sự chủ quan nên người dân bất cẩn trong việc sử dụng các loại thức ăn nước uống tự nhiên.	Không ăn các loại quả, nấm lạ. Nên chuẩn bị thức ăn, nước uống ở nhà và đem theo để đảm bảo an toàn.



Say nắng.	Tham gia trực tiếp dưới nắng nóng thời gian dài.	Đảm bảo thời gian nghỉ ngơi, tránh việc lạm dụng sức khoẻ và làm việc quá sức.
Cành cây khô mục gãy rơi xuống.	Cành nhánh khô nhưng chưa rơi xuống.	Khi chặt hạ, chăm sóc, khai thác mù chú ý kiểm tra cành nhánh khô trên tán cây, nếu có phải tác động cho cành nhánh khô rụng trước khi chặt hạ.
Xe trôi xuống dốc.	Rừng có độ dốc lớn. Không kiểm tra cẩn thận trước khi vận hành.	Phải thường xuyên kiểm tra hệ thống an toàn của xe tải trước khi vận hành..
Nước lũ cuốn.	Có nhiều khe suối trong rừng. Độ dốc lớn nên dễ có lũ lớn khi trời mưa.	Khi có mưa lớn, cần tìm chỗ tránh trú an toàn, không vượt qua các ngầm nước và các con suối. Hạn chế hoạt động trong mùa mưa.
Lật xe	Đường lâm sinh gồ ghề, khúc khuỷu. Có thể do chở quá tải. Hệ thống an toàn của xe không tốt.	Kiểm tra hệ thống an toàn của xe trước khi vận hành. Không chở quá tải trọng cho phép. Hạn chế hoạt động vào mùa mưa.

IV. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Đã phân tích và tổng hợp được các vấn đề tích cực mà hoạt động lâm nghiệp đem lại cho cộng đồng dân cư về kinh tế và xã hội bao gồm bốn nhóm chính: (1) Không xảy ra xung đột trong hoạt động trồng rừng giữa các bên liên quan; (2) Thay đổi về nhận thức theo chiều hướng tích cực trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp; (3) Tạo nguồn thu nhập cho người dân địa phương khi tham gia vào các hoạt động trồng, chăm sóc, khai thác...; (4) Tham gia vào nhóm chứng chỉ cao su đem lại lợi ích về kinh tế.

Thông qua phỏng vấn và khảo sát hiện trường, một số kết luận có thể khái quát hoá:

- Không có biểu hiện mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Nhóm và các hộ gia đình sống liền kề cũng như giữa các dân tộc trong ấp, cộng đồng, xã. Các



hoạt động của Nhóm Linh Hương không làm ảnh hưởng đến sức khỏe của các hộ lân cận. Người dân tộc trong khu vực được đối xử bình đẳng như người kinh và không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ các hoạt động quản lý Nhóm hộ.

- Các quyền hợp pháp, và quyền truyền thống của người dân tộc không bị ảnh hưởng khi Nhóm hộ chúng chỉ rừng thực hiện các hoạt động QLRBV tại địa phương.

- Các quyền, phong tục, văn hóa của người dân tộc tại địa phương được xác định trong UNDRIP và Công ước ILO, 169 không bị vi phạm.

- Trong khu vực điều tra đánh giá không thấy xuất hiện các địa điểm có ý nghĩa đặc biệt về văn hóa, sinh thái cảnh quan, kinh tế, tín ngưỡng hay tâm linh đối với người dân tộc tại khu vực này (Không hiện hữu rừng có giá trị bảo tồn cao HC VF5; HC VF6).

- Trong khu vực không thấy xuất hiện kiến thức truyền thống, bản địa của người dân tộc, hình thức canh tác của người dân tộc hiện tại cũng tương đồng với người kinh, người dân tộc học hỏi người kinh về kiến thức và kỹ thuật thâm canh trồng rừng Cao Su.

- Các hộ gia đình trồng rừng tự nguyện đăng ký tham gia nhóm chúng chi cao su, sử dụng lao động chính tại địa phương là những thành viên trong gia đình họ đủ tuổi lao động phù hợp với các nguyên tắc và quyền về việc làm được nêu trong mục 8 Công ước Lao động cốt lõi đã được ILO tuyên bố về Nguyên tắc và quyền cơ bản của người lao động.

- Không thấy bất cứ hình thức lao động cưỡng bức nào trong khu vực. Hoặc lao động trẻ em chưa đủ 16 tuổi tham gia lao động trong hoạt động Nhó

- Không có tranh chấp đất đai, diện tích đăng ký tham gia chứng nhận không có hoạt động chuyển đổi rừng tự nhiên sang trồng rừng từ trước năm 1994. Ranh giới lô rừng, thửa đất của Hộ gia đình/chủ sử dụng đất lâm nghiệp rõ ràng ở thực địa và trên bản đồ. người dân sử dụng ổn định lâu dài

- Trong quá trình khảo sát hiện trường, phát hiện có một số lăng mộ người thân được người dân chôn cất trong vườn nhà. Tuy nhiên, qua phỏng vấn chủ rừng, người dân địa phương cũng như tham vấn chính quyền địa phương cho thấy những lăng mộ này nằm trong khuôn viên vườn nhà, hoặc một số khu tập trung được tách rời, nhưng không bị tác động bởi các hoạt động sản xuất kinh doanh cao su. Ngược lại, bà con nâng cao ý thức gìn giữ vệ sinh môi trường ở các khu vực có lăng mộ.



- Được trang bị bảo hộ lao động và được tham gia các lớp tập huấn về an toàn lao động, tập huấn quy trình kỹ thuật QLRBV là bình đẳng như nhau trước pháp luật./.

- Hiện tại các thành viên của Nhóm cao su Linh Hương đều có nguyện vọng chỉ tham gia vào Nhóm để quản lý, bảo vệ và khai thác mủ cao su FSC. Khi đến kỳ thanh lý vườn và tái canh, hộ sẽ xin ra khỏi nhóm trước khi thực hiện thanh lý vườn và tái canh để chủ động loài cây trồng phù hợp với thị trường và điều kiện của gia đình. Do đó, hiện tại chưa xảy ra các vấn đề về xã hội từ hoạt động khai thác gỗ và trồng lại vườn cao su.

Trong tổng số 110 hộ đăng ký tham gia Nhóm Chứng chỉ cao su Linh Hương, 100% số hộ đã có sổ đỏ hoặc hợp đồng giao khoán.

4.2. Kiến nghị

Ngoài các đề xuất đã được nêu cụ thể trên, để nâng cao hiệu quả về mặt xã hội và tính khả thi cho các giải pháp cần chú ý một số vấn đề sau:

Các hộ dân tham gia nhóm chứng chỉ cao su Linh Hương cần tuyên truyền cho người dân chưa tham gia vào nhóm biết được hiệu quả của việc trồng cao su theo tiêu chuẩn FSC, hiểu được những lợi ích về kinh tế, môi trường và xã hội khi tham gia vào quản lý rừng bền vững gắn với chứng chỉ rừng

Tăng cường sự tham gia của các cấp chính quyền và các bên liên quan trong công tác tuyên truyền mở rộng việc thực hiện quản lý rừng bền vững và làm cấp chứng chỉ rừng FSC cho hộ gia đình, góp phần tăng tính bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái - phát triển kinh tế xã hội cho địa phương.

Cần có các chế tài xử phạt đối với những hộ dân chưa chấp hành tốt các nguyên tắc và tiêu chí của tiêu chuẩn FSC như xả rác thải, sử dụng hoá chất không kiểm soát, đốt rừng không kiểm soát.

Đối với phần diện tích tham gia FSC tăng thêm hàng năm, cần tiến hành đánh giá tác động môi trường, tác động xã hội bổ sung nhằm duy trì và phát huy mặt tích cực, hạn chế tiêu cực ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường, kinh tế xã hội của người dân.

Thường xuyên trang bị và cập nhật các kiến thức về an toàn lao động cho người lao động. Luôn tuân thủ các quy trình sản xuất và các chỉ dẫn đề ra trong khi sử dụng máy móc thiết bị trong sản xuất.

Nhóm sẽ ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh ngay ở những nơi có xảy ra tranh



chấp, và những nơi hay bất cứ khi nào phát hiện có giá trị rõ rệt về văn hoá, sinh thái, kinh tế, tín ngưỡng của cộng đồng địa phương cho đến khi các biện pháp bảo vệ được thống nhất với cộng đồng địa phương, và tuân thủ theo các quy định bởi địa phương và luật quốc gia.



PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bảng hỏi thu thập thông tin từ hộ gia đình

Nội dung: Đánh giá tác động xã hội - SIA

Thời gian: Ngày ... thángnăm

I. THÔNG TIN HỘ GIA ĐÌNH

Câu 1. Họ và tên:.....

Câu 2. Địa chỉ:.....

Câu 3. Điện thoại:.....

Câu 4. Độ tuổi

a) Dưới 40 tuổi

b) Từ 41 đến 50 tuổi

c) Từ 51 đến 60 tuổi

d) Trên 60 tuổi

Câu 5. Dân tộc

a) Kinh

b) Dân tộc thiểu số (ghi cụ thể):.....

Câu 6. Nghề nghiệp chính hiện nay

.....

II. NỘI DUNG PHÒNG VẤN

Câu 1. Diện tích tham gia chứng chỉ bao nhiêu? Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không?

1. Có, bao nhiêu ha?.....

2. Không, bao nhiêu ha?

Câu 2. Ông/bà trồng cây gì trên diện tích rừng của gia đình?

1. Cao su

2. Cây bản địa, loài

3. Khác, loài gì?

Câu 3. Chu kỳ trồng rừng (kinh doanh rừng) của gia đình là mấy năm?

.....

Câu 4. Mật độ trồng rừng của ông/bà bao nhiêu?

.....

Câu 5. Ông/bà có xây dựng kế hoạch quản lý, khai thác rừng bền vững không?

.....

Câu 6. Các hội viên có ký cam kết thời gian khai thác không?

1. Có, bao nhiêu năm?

.....

2. Không

Câu 7. Thu nhập từ trồng rừng

Sản phẩm	Rừng chưa có chứng chỉ		Rừng có chứng chỉ	
	Mù (Triệu đồng)	Gỗ (Triệu đồng)	Mù (Triệu đồng)	Gỗ (Triệu đồng)
Trung bình năm		-		-



Khai thác	-		-	
-----------	---	--	---	--

Câu 8. Rừng có chứng chỉ và rừng không có chứng chỉ giá cả có khác biệt không?

1. Có, giá bán từng loại từng?.....
2. Không

Câu 9. Ông/bà cho biết cơ cấu thu nhập của gia đình trong 1 năm?

1. Nông nghiệp (%):
2. Lâm nghiệp (gỗ và mủ) (%):
3. Dịch vụ buôn bán (%):
4. Lương và ccs khoản thu nhập khác (%):

Câu 10. Ông/bà cho biết thu nhập từ hoạt động lâm nghiệp của gia đình trong 1 năm là bao nhiêu?

1. Từ bán mủ cao su:
2. Từ bán cây giống:
3. Từ các hoạt động khai thác lâm sản ngoài gỗ:
4. Từ hoạt động làm công:
- Trồng rừng:
- Khai thác:
- Vận chuyển gỗ:.....

Câu 11. Ông/bà có được tham gia các lớp tập huấn về Kỹ thuật khai thác gỗ/mủ an toàn lao động và sơ cấp cứu không?

.....

Câu 12. Ông/bà có trực tiếp khai thác gỗ/mủ hay không?

1. Có (gỗ hay mủ hay cả 2)
2. Không

Câu 13. Các phương pháp bảo đảm an toàn lao động trong:

13.1. Bảo hộ an toàn khi cưa cây?

1. Có, bảo hộ là gì?
2. Không, vì sao?

13.2. Bảo hộ an toàn khi bóc vỏ?

1. Có, bảo hộ là gì?
2. Không, vì sao?

13.3. Bảo hộ an toàn khi vận chuyển gỗ lên xe (bóc vát)?

1. Có, bảo hộ là gì?
2. Không, vì sao?

13.4. Bảo hộ an toàn khi cạo mủ cao su

1. Có, bảo hộ là gì?
2. Không, vì sao?

Câu 14. Ông/bà có giám sát các phương pháp bảo đảm an toàn lao động trong các khâu kinh doanh rừng hay không? Đặc biệt khi khai thác gỗ/mủ?

1. Có, khi giám sát ông/bà chú ý đến điều gì?
.....
2. Không



Câu 15. Đường dân sinh trong vùng có bị ảnh hưởng bởi quá trình vận chuyển gỗ hay không?

1. Có, ảnh hưởng như thế nào? Đề xuất cách khắc phục?

.....

2. Không

Câu 16. Hoạt động khai thác mỏ cao su có ảnh hưởng đến đời sống của người dân xung quanh không?

1. Có, ảnh hưởng như thế nào? Đề xuất cách khắc phục?

.....

.....

.....

2. Không

--- Xin cảm ơn ông/bà đã hợp tác ---



Phụ lục 2. Danh sách các hộ dân tiến hành khảo sát hiện trường

TT	Họ và tên	Năm trồng	Xã	Tỉnh
1	Nguyễn Thị Kim Dung	2018	Phú Riềng	Đồng Nai
2	Trịnh Văn Huy	2018	Long Bình	Đồng Nai
3	Trịnh Văn Huy	2018	Long Bình	Đồng Nai
4	Trịnh Huy Anh	2017	Phú Trung	Đồng Nai
5	Trịnh Huy Anh	2017	Phú Trung	Đồng Nai
6	Trịnh Hoài Linh	2017	Bình Tân	Đồng Nai
7	Nguyễn Xuân Hoàng	2016	Thọ Sơn	Đồng Nai
8	Nguyễn Đình Hoạch	2016	Thọ Sơn	Đồng Nai
9	Nguyễn Đình Hoạch	2016	Thọ Sơn	Đồng Nai
10	Dương Bá Khiêm	2015	Phú Riềng	Đồng Nai
11	Danh Dư	2015	Phú Riềng	Đồng Nai
12	Lê Thị Liệu	2015	Bình Tân	Đồng Nai
13	Nguyễn Văn Khanh	2014	Thọ Sơn	Đồng Nai
14	Vũ Văn Đức	2014	Đồng Xoài	Đồng Nai
15	Hoàng Thị Thơm	2014	Đồng Xoài	Đồng Nai
16	Phùng Phú Phước	2013	Tân Hưng	Đồng Nai
17	Phùng Phú Phước	2013	Tân Hưng	Đồng Nai
18	Hà Thị Phúc	2013	Tân Hưng	Đồng Nai
19	Lưu Tấn Thành	2012	Long Hưng	Đồng Nai
20	Hoàng Thị Hương	2012	Tân Hưng	Đồng Nai
21	Phùng Thị Hà Phương	2012	Tân Hưng	Đồng Nai
22	Phùng Phú Phong	2012	Tân Hưng	Đồng Nai
23	Lưu Tấn Thành	2012	Phú Riềng	Đồng Nai
24	Phan Tấn Thanh	2011	Phú Riềng	Đồng Nai
25	Trịnh Thị Diễm Chi	2011	Phú Trung	Đồng Nai
26	Trịnh Hoài Linh	2011	Bình Tân	Đồng Nai
27	Nguyễn Văn Chiến	2010	Long Hưng	Đồng Nai
28	Nguyễn Thị Hạnh	2010	Bình Tân	Đồng Nai
29	Hồ Thị Mộng Liên	2010	Tân Hưng	Đồng Nai
30	Nguyễn Văn Thuận	2009	Phú Riềng	Đồng Nai
31	Trịnh Văn Huy	2009	Long Bình	Đồng Nai
32	Danh Don	2009	Phú Riềng	Đồng Nai
33	Lạc Thanh Hải	2008	Phú Riềng	Đồng Nai
34	Trần Thanh Vân	2008	Phú Riềng	Đồng Nai
35	Phạm Văn Tiếp	2008	Đảng Hà	Đồng Nai
36	Phạm Văn Vĩnh	2007	Phú Riềng	Đồng Nai
37	Nguyễn Thị Anh Thư	2007	Phú Riềng	Đồng Nai
38	Nguyễn Văn Khanh	2007	Thọ Sơn	Đồng Nai
39	Nguyễn Kính	2006	Phú Riềng	Đồng Nai



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (SIA)

40	Danh Dong	2006	Phú Riềng	Đồng Nai
41	Lưu Tấn Sáu	2006	Phú Riềng	Đồng Nai
42	Nguyễn Tiến Trung	2005	Long Hà	Đồng Nai
43	Lưu Tấn Sáu	2005	Phú Riềng	Đồng Nai
44	Vũ Văn Nghin	2005	Bình Tân	Đồng Nai
45	Nguyễn Văn Thành	2004	Bình Tân	Đồng Nai
46	Lưu Tấn Sáu	2004	Phú Riềng	Đồng Nai
47	Lưu Tấn Sáu	2004	Phú Riềng	Đồng Nai

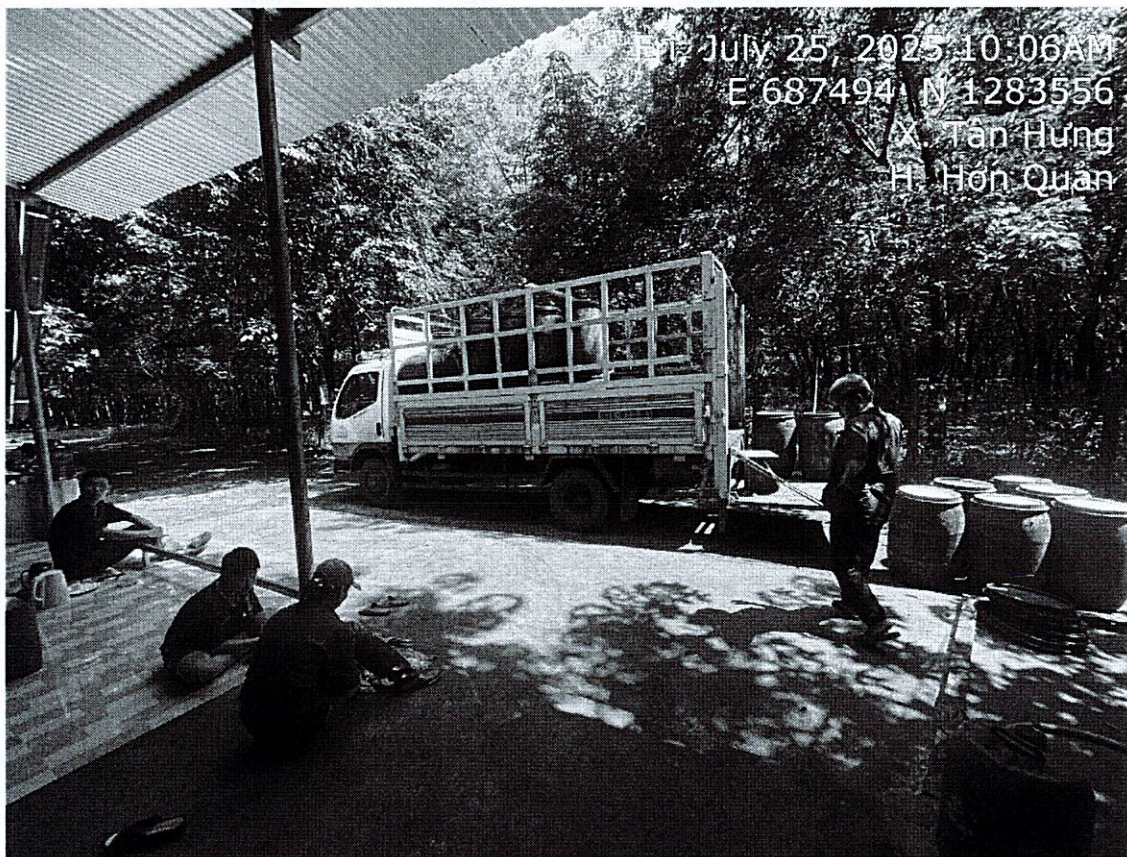


Phụ lục 3: Danh sách phỏng vấn

TT	Họ và tên	Xã	Tỉnh
1	Đàm Ngọc Quý	Long Hà	Đồng Nai
2	Nguyễn Tiến Trung	Long Hà	Đồng Nai
3	Chu Phúc Toàn	Phú Riềng	Đồng Nai
4	Lưu Tấn Thành	Phú Riềng	Đồng Nai
5	Danh Dong	Phú Riềng	Đồng Nai
6	Lần Thị Ngọc Phương	Phú Riềng	Đồng Nai
7	Kiều Thị Tám	Phú Riềng	Đồng Nai
8	Nguyễn Kim Hùng	Phú Riềng	Đồng Nai
9	Phùng Phú Phong	Tân Hưng	Đồng Nai
10	Phùng Phú Phước	Tân Hưng	Đồng Nai
11	Hoàng Thị Hương	Bình Tân	Đồng Nai
12	Hồ Khắc Minh	Bình Tân	Đồng Nai
13	Lê Thị Liễu	Bình Tân	Đồng Nai
14	Lê Thị Quỳnh Anh	Bình Tân	Đồng Nai
15	Nguyễn Thị Hạnh	Bình Tân	Đồng Nai
16	Phạm Văn Tiệp	Bình Tân	Đồng Nai
17	Nguyễn Văn Chiến	Bình Tân	Đồng Nai
18	Hồ Thị Mộng Liên	Bình Tân	Đồng Nai
19	Lê Hoàng Anh	Bình Tân	Đồng Nai
20	Trịnh Văn Huy	Bình Tân	Đồng Nai
21	Nguyễn Văn Sáu	Phú Nghĩa	Đồng Nai
22	Dương Bá Khiêm	Phú Riềng	Đồng Nai
23	Trịnh Hoài Linh	Phú Trung	Đồng Nai
24	Vũ Văn Phúc	Phú Trung	Đồng Nai



Phụ lục 4. Một số hình ảnh



Phỏng vấn các hộ
thành viên và hộ
dân xung quanh
khu vực chứng chỉ

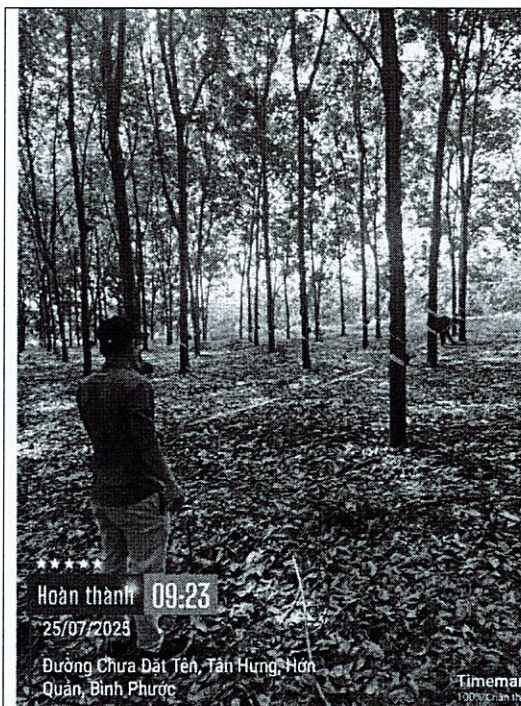


19 Aug 2025 at 07:56:31
+11 770 138 +106 787639
Long Bình
Phu Rieng

**Trao
đổi về
BHLĐ
và an
toàn
trong
cạo mũ
với chủ
rừng và
người
cạo mũ**



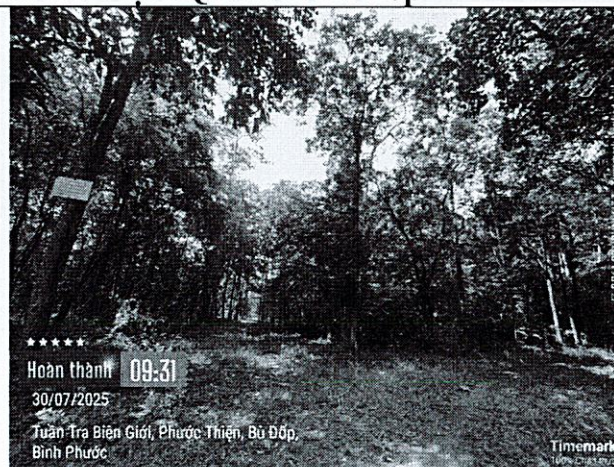
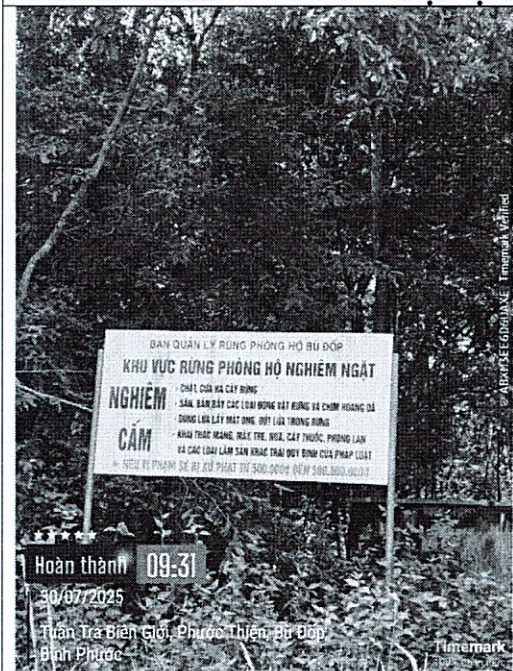
**Tập
huấn về
Tiêu
chuẩn
FSC và
các nội
dung
liên
quan**



Khảo sát hiện trường kết hợp đo đếm trữ lượng cao su

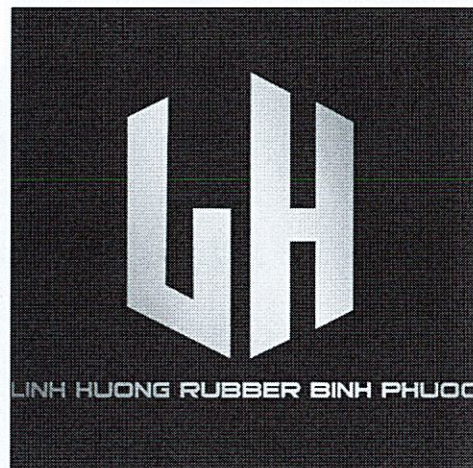


Tuần tra bảo vệ diện tích RTN tại BQL RPH Bù Đốp



NHÓM CHỨNG CHỈ CAO SU LINH HƯƠNG

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (SIA)

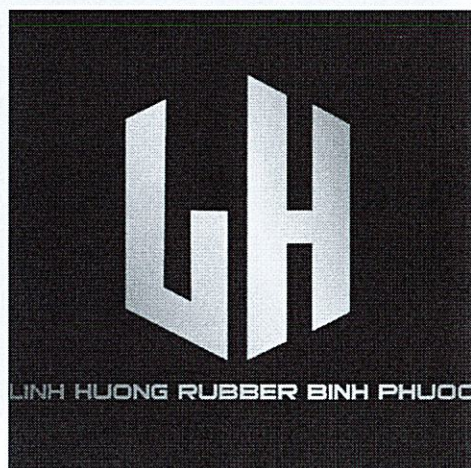


LINH HUONG - FCG

Bình Tân, Tháng 9/2026

NHÓM CHỨNG CHỈ CAO SU LINH HƯƠNG

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (SIA)



LINH HUONG - FCG

Bình Tân, Tháng 9/2026



MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	II
DANH MỤC BẢNG	III
I. Giới thiệu	1
II. Mục tiêu, Nội dung và Phương pháp đánh giá.....	2
2.1. Mục tiêu.....	2
2.2. Nội dung đánh giá	2
2.3. Phương pháp đánh giá.....	3
III. Kết quả đánh giá	3
3.1. Nhận diện thành phần dân tộc/người bản địa.....	3
3.2. Xác định các bên liên quan và vai trò	4
3.3. Tác động tích cực	5
3.4. Thực trạng triển khai FPIC.....	8
3.5. Ảnh hưởng tiêu cực và dự báo nguy cơ tiềm ẩn	9
3.6. Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất kinh doanh cao su	13
IV. Kết luận và kiến nghị.....	15
4.1. Kết luận	15
4.2. Kiến nghị.....	17
PHỤ LỤC	19
Phụ lục 2. Danh sách các hộ dân tiến hành khảo sát hiện trường.....	22
Phụ lục 3: Danh sách phỏng vấn.....	24
Phụ lục 4. Một số hình ảnh	25



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải
CCR	Chứng chỉ rừng
FSC	Hội đồng quản lý rừng (Forest Stewardship Council)
SIA	Đánh giá tác động xã hội
QLRBV	Quản lý rừng bền vững

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Ảnh hưởng tiêu cực và thực trạng	9
Bảng 2. Dự báo nguy cơ tiềm ẩn và giải pháp khắc phục	11
Bảng 3. Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cao su	13



I. Giới thiệu

Nhóm Chứng chỉ (CC) Cao su Linh Hương là nhóm hộ thực hiện mô hình quản lý rừng bền vững tại các xã/phường thuộc tỉnh Bình Phước (cũ) theo tiêu chuẩn FSC, gắn liền việc nâng cao chuỗi giá trị cao su với trách nhiệm môi trường và xã hội.

Quản lý rừng bền vững phải đảm bảo 3 mục tiêu (i) Kinh tế; (ii) Môi trường và (iii) Xã hội, và tuân thủ quy trình, quy phạm, quy định của Nhà nước về quản lý rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện sinh kế cho người dân ở khu vực nông thôn và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

Năm 2025 là năm thứ 5 thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021 đến 2025, đẩy mạnh và phục hồi kinh tế sau sự ảnh hưởng của đại dịch covid - 19 và thiên tai bất thường trong những năm qua. Theo số liệu báo cáo kinh tế 6 tháng đầu năm 2025 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ):

(1) Công tác thu ngân sách nhà nước tăng 32,04% so với cùng kỳ năm 2024. Thu hút vốn đầu tư trong nước tăng mạnh: Ước thực hiện 6 tháng đầu năm thu hút được 9 dự án với số vốn thu hút là 32.100 tỷ đồng (bao gồm cấp mới và điều chỉnh tăng vốn). Phát triển doanh nghiệp đạt kết quả tích cực: Ước thực hiện 6 tháng đầu năm có 760 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, đạt 69% kế hoạch, bằng 139,7% so với cùng kỳ năm 2024; với số vốn đăng ký là 10.250 tỷ đồng.

(2) Sản xuất công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng cao 14,83%; hoạt động thương mại, dịch vụ, xuất khẩu tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước; sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển ổn định.

(3) Lĩnh vực văn hóa - xã hội đạt nhiều kết quả tích cực. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, ước đến hết tháng 6/2024, toàn tỉnh có 260/390 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỉ lệ 66,67% so với tổng số trường công lập trên địa bàn tỉnh. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế tiếp tục được quan tâm đầu tư, thực hiện theo quy định; đã đảm bảo đầy đủ thuốc và vật tư y tế phục vụ cho công tác khám chữa bệnh cho người dân được đảm bảo.

Nhóm Chứng chỉ cao su Linh Hương với Quản lý Nhóm là Công ty TNHH MTV



SX TM Linh Hương đăng ký thực hiện chứng chỉ Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC trên địa bàn các xã/phường thuộc tỉnh Bình Phước (cũ), nhằm góp phần bảo vệ môi trường và cải thiện sinh kế cho người dân ở khu vực nông thôn, đồng bào dân tộc. Duy trì và tăng cường phúc lợi xã hội cho người làm nông nghiệp, lâm nghiệp. Ưu tiên bảo đảm công việc ổn định và an toàn lao động cho những người tham gia. Qua đó, đẩy mạnh sự phát triển kinh tế xã hội tại các xã so với cùng kỳ phát triển năm 2024.

Hàng năm Nhóm Chứng chỉ Cao su Linh Hương tiếp tục mở rộng diện tích, quy mô trên địa bàn các xã/phường thuộc tỉnh Bình Phước (cũ) - có diện tích quy hoạch vùng nguyên liệu cho nhà máy sản xuất nguyên liệu của Công ty TNHH MTV SX TM Linh Hương và nhu cầu thu mua mủ, gỗ cao su FSC tại địa phương.

II. Mục tiêu, Nội dung và Phương pháp đánh giá

2.1. Mục tiêu

Phân tích, xác định được các tác động và đưa ra biện pháp làm giảm thiểu tác động tiêu cực tới cán bộ, công nhân viên, cộng đồng dân cư và các bên liên quan khi thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh mủ/gỗ cao su của Nhóm.

2.2. Nội dung đánh giá

Nội dung đánh giá tác động xã hội gồm 2 phần:

(i) Tác động xã hội nội bộ cơ quan/đơn vị của chủ rừng

Nội bộ đơn vị chủ rừng bao gồm các nhóm đối tượng: Tất cả các thành viên trong Ban Quản lý Nhóm Chứng chỉ Cao su Linh Hương, Cán bộ thu gom, và các thành viên Nhóm.

Đánh giá tác động xã hội nội bộ là xem xét các vấn đề ảnh hưởng đến các quá trình vận hành của Ban Quản lý các cấp và các thành viên của nhóm, khi thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh cao su;

(ii) Tác động xã hội bên ngoài cơ quan/đơn vị có liên quan đến hoạt động lâm nghiệp;

Cộng đồng dân cư sống trong hoặc gần rừng cho chủ rừng quản lý;



Các bên liên quan tại địa phương;

Đánh giá tác động xã hội bên ngoài liên quan đến mối quan hệ giữa chủ rừng với cộng đồng thôn bản và các bên liên quan trong việc chia sẻ trách nhiệm và quyền lợi từ rừng.

2.3. Phương pháp đánh giá

Phương pháp kế thừa các tài liệu, nghiên cứu đã có.

Phương pháp phỏng vấn hộ gia đình, thiết kế, sử dụng phiếu phỏng vấn chủ rừng để thu thập thông tin về kinh tế, xã hội, hoạt động trồng rừng của chủ rừng (Theo mẫu phỏng vấn như phụ lục 1).

Quan sát thực tế các vấn đề liên quan.

Tham vấn các kết quả, nội dung báo cáo trong quá trình thực hiện.

III. Kết quả đánh giá

3.1. Nhận diện thành phần dân tộc/người bản địa

Các hộ dân là chủ vườn hoặc đang sản xuất cao su trên diện tích cao su của Nhóm. Thành phần dân tộc ở địa phương tương đối đa dạng. Tuy nhiên, thành phần dân tộc chính của Nhóm CC cao su Linh Hương đa số là người Kinh và một số người thuộc các thành phần dân tộc khác di cư từ miền Bắc vào và một số người Hoa. Năm 2026 thành viên Nhóm có giảm một số hộ, do chuyển đổi cây trồng sau khi tái canh. Số hộ giảm 5, số lô giảm là 21 và Diện tích Nhóm giảm 68,56 ha.

Thành phần Dân tộc của thành viên nhóm CC cao su Linh Hương năm 2026 tại các xã trên như Bảng sau:

Bảng 1. Thành phần dân tộc của Nhóm CC cao su Linh Hương

TT	Thành phần dân tộc	Số hộ	Tỷ lệ (%)
1	- Kinh	94	85,45
2	- Nùng	02	1,82
3	- Khmer	02	1,82
4	- H'mông	01	0,90



5	- Hoa	09	8,19
6	- Thái	02	1,82
Tổng		110	100

Theo khảo sát và thảo luận tại các cuộc họp nhóm, hiện tại không tồn tại các khu rừng thiêng, rừng ma. Các lễ hội cũng như đặc điểm văn hoá của người đồng bào, người Hoa đều được địa phương quan tâm. Tuy nhiên, trong những năm trở lại đây, những tập tục mang tính không phù hợp đã được loại bỏ và chỉ gìn giữ, phát huy những giá trị văn hoá đẹp, phù hợp với sự phát triển chung của tỉnh. Chẳng hạn như tục Cà răng-Căng tai gần như không còn duy trì.

Ngoài ra, thành viên Nhóm Chứng chỉ cao su Linh Hương còn có một tỷ lệ các hộ dân người dân tộc di cư từ miền Bắc: Nùng, Thái và H'mông. Một lễ hội truyền thống của người Nùng đã được các địa phương quan tâm tổ chức là lễ Lồng Tồng.

Nhìn chung, ngoài các giá trị về lễ hội, văn hoá truyền thống của người đồng bào được chính quyền địa phương tạo điều kiện gìn giữ và phát huy, các hoạt động về mặt sản xuất kinh doanh hay sinh hoạt của người dân tộc hiện nay cũng đã phần lớn hội nhập với người Kinh và không có nhiều sự khác biệt lớn giữa các thành phần dân tộc trong canh tác cao su.

3.2. Xác định các bên liên quan và vai trò

Các bên liên quan chịu ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp, tích cực/tiêu cực bởi hoạt động của tổ chức nhóm được tổng hợp trong Bảng sau.

Bảng 2. Các bên liên quan chịu tác động và nhu cầu

Bên chịu ảnh hưởng	Trực tiếp	Gián tiếp	Tích cực	Tiêu cực	Nhu cầu của họ
Các cấp quản lý nhà nước liên quan	x	x	x		Các cấp quản lý nhà nước như UBND tỉnh, xã/phường; Phòng NN&MT, Chi cục KL... mong muốn thúc đẩy sự phát triển và mở rộng của tổ chức nhóm và duy trì thực hiện QLRBV và chứng chỉ rừng
Cộng đồng địa	x	x	x	x	- Cộng đồng địa phương mong muốn



phương					học hỏi kinh nghiệm, kỹ thuật, giống tốt,... - Nhu cầu được tạo điều kiện công ăn việc làm từ các hoạt động SXKD của tổ chức nhóm - Được bồi thường thiệt hại nếu các hoạt động SXKD của nhóm gây ảnh hưởng đến họ
Các tổ đội vận xuất, khai thác, trồng cao su và thu mua mù/gỗ cao su	x		x	x	- Mong muốn được liên doanh liên kết với Công ty, chủ rừng để nhận khoán thực hiện các hoạt động - Được đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn, an toàn lao động - Được chi trả tiền hợp đồng dịch vụ đúng thời hạn
Các doanh nghiệp buôn bán, sản xuất các sản phẩm từ mù/gỗ cao su; các xưởng xẻ	x	x	x	x	- Mong muốn được liên doanh liên kết với Nhóm để sản xuất theo mô hình chuỗi - Bao tiêu nguồn nguyên liệu có chứng chỉ thông qua hình thức ký cam kết với người trồng rừng - Hỗ trợ chi phí đánh giá duy trì chứng chỉ để độc quyền nguồn cung cấp nguyên liệu
Các nhà tri thức, các tổ chức bảo vệ môi trường, xã hội	x	x	x		- Theo dõi các hoạt động của tổ chức nhằm mục đích bảo vệ môi trường, quyền động vật, đa dạng sinh học, quyền của người lao động....
Các thành viên là chủ rừng	x	x	x	x	- Mong muốn đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến chứng chỉ rừng (giám sát đánh giá, kê khai hồ sơ lâm sản,...) - Nhu cầu tập huấn, nâng cao năng lực - Nhu cầu về nguồn vốn để tái sản xuất

(Kết quả thảo luận tại một số đợt truyền thông/tập huấn nhóm năm 2025)

3.3. Tác động tích cực

3.3.1. Quyền người lao động, sức khỏe và an toàn nghề nghiệp, bình đẳng giới (Nguyên tắc 2)

- Các hoạt động của Nhóm hộ đã tạo ra việc làm ổn định cho các hộ Thành viên, dự kiến nâng cao thu nhập đối với mù/gỗ được cấp chứng nhận FSC. Các hoạt động sản xuất của các hộ gia đình thành viên chủ yếu do các thành viên trong gia đình thực hiện nên không có tình trạng bất bình đẳng, không phân biệt giới tính, sắc tộc, tôn giáo.



- Khu vực diện tích tham gia cấp chứng chỉ rừng của các hộ thành viên là khu vực đã được quy hoạch trồng rừng sản xuất hoặc đất trồng cây lâu năm, không có tranh chấp, đã có ranh giới cụ thể, rõ ràng từng lô đất trên bản đồ và thực địa. Không có chuyển đổi rừng tự nhiên sang trồng rừng từ năm 1994 cho đến nay. Tỷ lệ hộ thành viên được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất hoặc các văn bản giao khoán hợp pháp là 100%.

- Cơ hội việc làm, thu nhập, bình đẳng giới trong lao động đã được cải thiện một cách đáng kể từ khi Nhóm hộ chứng chỉ rừng được hình thành và phát triển. Nhóm hộ có các cam kết về: chống quấy rối tình dục, phân biệt đối xử về giới tính, tham nhũng và những vấn đề này được ghi nhận không diễn ra ở phạm vi Nhóm tại địa phương trong nhiều năm qua. Đặc biệt UBND tỉnh Bình Phước (cũ) và các xã có nhiều chính sách ưu tiên cho con em là người dân tộc trong tuyển dụng lao động, việc làm.

- Đóng góp về mặt kinh tế. Hoạt động kinh doanh rừng đã tạo công ăn việc làm cho nguồn lao động tại địa phương và các xã lân cận. Điều này được thể hiện qua kết quả phỏng vấn đại diện các xã/ấp, hoạt động kinh doanh sản xuất cao su giúp gia tăng hiệu quả kinh tế cho chủ rừng và tạo ra công việc cho những người dân lân cận. Do đó, hoạt động sản xuất rừng trồng bền vững giúp đẩy mạnh công cuộc xóa đói giảm nghèo tại địa phương và các vùng phụ cận.

- Các Hộ dân được tập huấn và hướng dẫn sử dụng các dụng cụ bảo hộ an toàn lao động cho người lao động phù hợp với điều kiện làm việc khác nhau theo quy định như: “được trang bị, hướng dẫn sử dụng bảo hộ thợ cưa theo yêu cầu quốc tế”; Hướng dẫn, tập huấn sử dụng hóa chất đảm bảo an toàn cho sức khỏe của người lao động theo quy định do nhóm hộ tổ chức..

- Trong nhiều năm qua không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, tiêu cực về quyền của người lao động, không xảy ra tai nạn, đảm bảo an toàn lao động và quyền bình đẳng giới trong nội bộ công ty Linh Hương cũng như nội bộ Nhóm. Công ty Linh Hương và nhóm hộ có cơ chế, quy trình giải quyết khiếu nại, tranh chấp được ban hành và áp dụng để xử lý khi có các vụ việc liên quan xảy ra.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ trong Ban Quản lý Nhóm Chứng chỉ Cao su Linh Hương cũng như các nhân viên thu mua và thành viên hộ gia đình về Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC. Căn cứ các rà soát điều kiện ban đầu và giám sát hiện trường, Ban Quản lý Nhóm sẽ xây dựng kế hoạch tập huấn (nội dung tập huấn, thời gian tập huấn,



số lượng người tham gia...), xây dựng chiến lược truyền thông để tăng cường kiến thức về Quản lý RBV theo tiêu chuẩn FSC và thay đổi nhận thức, tập quán canh tác của người dân địa phương theo hướng bền vững.

- Tăng cường sự tham gia quản lý và vận hành hệ thống Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC giữa các bên liên quan tại địa phương. Điều này góp phần rất lớn trong quá trình quản lý Nhóm Chứng chỉ Cao su Linh Hương đáp ứng các tiêu chuẩn Quốc tế.

3.3.2. Người dân tộc và các quyền hợp pháp và/hoặc quyền truyền thống. (Nguyên tắc 3)

Người dân tộc và các quyền hợp pháp và/hoặc quyền truyền thống liên quan đến hoạt động quản lý

- Thành phần dân tộc chủ yếu tham gia nhóm chứng chỉ cao su Linh Hương: dân tộc tham gia nhóm chiếm nhiều nhất là dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ 85.45%. Các thành phần dân tộc khác chiếm tỷ lệ thấp như số liệu ở Bảng 1.

Kết quả phỏng vấn các bên liên quan tại địa phương cho thấy người dân các dân tộc tại đây, chung sống với nhau đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau trong đời sống sản xuất với mục tiêu cùng phát triển. Trên địa bàn người dân tộc thiểu số/bản địa, không có quyền truyền thống, họ có các quyền lợi hợp pháp và các nghĩa vụ bình đẳng như người dân tộc Kinh. Người các dân tộc khác cùng có chung chính sách và được ưu tiên hơn so với người dân tộc Kinh như được hỗ trợ bảo hiểm xã hội, con em người dân tộc đến trường học không phải đóng học phí, hỗ trợ tập huấn đào tạo, tạo công ăn việc làm, hướng nghiệp và các chính sách vay vốn ưu đãi.

- Nhóm chứng chỉ cao su Linh Hương đã và luôn xác định duy trì các quyền hợp pháp của người dân tộc đối với các quyền quản lý và sử dụng đất đai, quản lý và sử dụng các tài nguyên lâm sản ngoài gỗ khác ngoài mù cao su để phục vụ sinh hoạt hàng ngày của người dân. Tuy nhiên, nguồn lâm sản ngoài gỗ hiện còn là rất ít, đã cạn kiệt chỉ được thu hái sử dụng trong gia đình, không được thu hái để bán.

- Tại khu vực trồng cao su của hộ gia đình tham gia Nhóm Chứng chỉ cao su Linh Hương và các khu rừng cao su lân cận chưa thấy có xuất hiện kiến thức truyền thống của người dân tộc, không tồn tại các địa điểm văn hoá, tín ngưỡng của cộng đồng địa phương. Việc trồng, chăm sóc và khai thác Cao Su được áp dụng các kiến thức, quy trình chung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.



- Trong quá trình rà soát diện tích đầu vào, Nhóm đã xác định được một số khu vực lãng mô lân cận diện tích rừng của hộ thành viên. Các vị trí này đã được đánh dấu trên bản đồ Nhóm. Đồng thời qua phỏng vấn và tham vấn các bên liên quan cho thấy hoạt động Sản xuất kinh doanh cao su của Nhóm không gây ảnh hưởng đến các khu vực này.

- Các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân chủ yếu sử dụng lao động chính trong gia đình hoặc thực hiện làm đôi công với anh em cùng dòng họ, không sử dụng lao động bị quản thúc, không sử dụng trẻ em dưới 16 tuổi, bình đẳng về thu nhập, bình đẳng giới, bình đẳng giữa các dân tộc và các vấn đề liên quan khác theo quy định của Chính Phủ Việt Nam và quy định của Hội đồng chứng chỉ rừng thế giới.

3.3.3. Cải thiện sinh kế cho cộng đồng dân cư và người dân địa phương

Có tới hơn 80% số hộ trên địa bàn đã và đang sở hữu và trồng, sản xuất rừng/vườn Cao Su. Người dân địa phương tham gia các hoạt động sản xuất theo hình thức làm đôi công hoặc làm khoán theo thời vụ như: trồng rừng, chăm sóc rừng trồng, khai thác rừng trồng..vv. các hoạt động này giúp tạo thêm thu nhập và việc làm cho lao động địa phương. Chính quyền địa phương xác nhận là người dân đã đánh giá khá tốt lợi ích của sản xuất kinh doanh cao su, giúp cộng đồng phát triển kinh tế xã hội vì nó không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế cho chủ rừng/vườn mà những người trong cộng đồng cũng được hưởng lợi. Cây trồng Cao Su là Cây chủ đạo và là mũi nhọn phát triển kinh tế của tỉnh Bình Phước (cũ). Nó đã và đang mang lại nhiều nguồn thu cho người dân, nâng cao thu nhập, đời sống, tạo công ăn việc làm phát triển kinh tế - xã hội.

3.4. Thực trạng triển khai FPIC

Trong quá trình xây dựng và triển khai công tác quản lý và hoạt động sản xuất, tìm kiếm sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được thông tin đầy đủ luôn là định hướng trong chiến lược của Nhóm. Nhóm hộ đã có mối quan hệ và phối hợp tốt với chính quyền và các cơ quan liên quan trong việc xây dựng, triển khai, giám sát các hoạt động sản xuất. Điều đó được thể hiện qua vấn đề cơ bản sau:

- Trước khi thành lập Nhóm hộ, công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương, cấp thôn triển khai tuyên truyền, phổ biến sâu rộng tới người dân từng thôn. Tổ chức các cuộc tập huấn cung cấp thông tin đầy đủ về mô hình nhóm hộ và Tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC. Kế hoạch triển khai thực hiện và lợi ích Kinh tế - Môi trường – Xã hội cho toàn



thể người dân trồng rừng Cao Su tại nhà Văn hóa các Ấp hoặc tại các đại lý và ghi nhận ý kiến phản hồi từ người dân.

- Khi có các vấn đề thắc mắc của các cơ quan và người dân địa phương, Nhóm hộ đã chủ động phối hợp với các bên liên quan để giải quyết, làm rõ các vấn đề thấu tình đạt lý.

- Các kết quả của báo cáo đánh giá chuyên đề, Phương án quản lý rừng bền vững và Sổ tay quản lý nhóm cũng sẽ được Ban Quản lý Nhóm Tham vấn các bên liên quan một cách công khai, minh bạch nhằm tiếp thu các ý kiến góp ý phản hồi để hoàn thiện hơn trong hoạt động quản lý và sản xuất cao su của Nhóm.

3.5. Ảnh hưởng tiêu cực và dự báo nguy cơ tiềm ẩn

Một số mặt hạn chế tiêu cực đã và có thể xảy ra khi người dân kinh doanh trồng cao su như sau:

(1) Một số hộ gia đình vẫn sử dụng lửa không kiểm soát để xử lý thực bì trước khi trồng rừng.

(2) Sử dụng hóa chất, thuốc BVTV trong quá trình canh tác.

(3) Thiên tai

(4) Nguồn thu mua chưa ổn định, còn bấp bênh và phụ thuộc nhiều vào thị trường.

(5) Nguồn cây giống đạt chuẩn chưa phong phú, giống tại địa phương chưa đảm bảo tiêu chuẩn.

(6) Thiếu hụt tài chính do kinh doanh rừng có chu kỳ dài hơn kinh doanh nông nghiệp.

(7) An toàn trong sản xuất, lao động chưa được quan tâm

(8) Đường lâm sinh, đường dân sinh bị hư hỏng khi khai thác rừng.

Bảng 1. Ảnh hưởng tiêu cực và thực trạng

TT	Nội dung/ Hoạt động	Ảnh hưởng	Thực trạng
1	Sử dụng hóa chất diệt cỏ.	Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người sử dụng như ngộ độc khi thường xuyên hít phải. Ô nhiễm đến nguồn nước khi dư lượng thuốc diệt cỏ chưa phân hủy hết và ngấm xuống đất cũng như mạch	Trước đây đã có hộ gia đình trong vùng sử dụng, tuy nhiên người dân nhận thấy việc sử dụng thuốc diệt cỏ sẽ ảnh hưởng lớn đến con người và môi trường nên



		nước ngầm.	họ không sử dụng.
3	Thiên tai như gió bão hoặc nắng nóng.	Nếu trồng thuần loài, đều tuổi khi gặp thiên tai như cháy rừng, gió bão sẽ gây thiệt hại lớn đến kinh tế	Các xã đánh giá thuộc khu vực miền Nam, nơi thường xuyên đối mặt với điều kiện thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng vào mùa khô và thường hứng chịu mưa lụt vào mùa mưa.
4	Đầu ra không ổn định.	Thương lái là người trực tiếp thu mua rừng của người dân nên giá cả gần như thương lái quyết định. Khi nguồn nguyên liệu dồi dào họ dễ ép giá sản phẩm, đặc biệt khi gặp thiên tai gió bão làm gãy đổ tư thương ép giá rất rõ ràng và người dân buộc phải bán để hạn chế thiệt hại.	Hiện nay người dân trồng rừng chưa có nguồn thu mua ổn định, phụ thuộc nhiều vào thương lái;
5	Nguồn gốc cây giống chưa đảm bảo.	Nguồn gốc cây giống chưa được đảm bảo, chưa kiểm tra được xuất xứ nên chất lượng và năng suất rừng trồng biến động mạnh giữa các hộ và các lô rừng.	Người dân chưa chú ý về nguồn gốc cây giống. Một số hộ dân thường mua cây con ở các vườn ươm hộ gia đình chưa đảm bảo chất lượng.
6	Trang phục bảo hộ và an toàn lao động.	Dễ xảy ra tai nạn khi trực tiếp tham gia sản xuất lâm nghiệp như quá trình làm đất, khai thác, sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật.	Người dân thường chủ quan vì nghĩ rằng bản thân có kinh nghiệm trong các khâu sản xuất, dẫn đến việc không quan tâm đến các tai nạn rủi ro. Giá thành của đồ bảo hộ lao động khá đắt. Không quen khi sử dụng.



7	Hur hồng đường dân sinh (cộng đồng).	Vào mùa mưa nước đọng che khuất các hố sâu có thể gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông của người dân địa phương và khu vực lân cận	Một số vị trí đường dân sinh bị hư hỏng, xuất hiện “ổ gà”, mặt đường bong tróc.
8	Sạt lở đường lâm sinh.	Đường lâm sinh hư hỏng gây khó khăn cho quá trình vận chuyển mù và hoạt động cạo mù của công nhân. Gặp sự cố cháy rừng các phương tiện tham gia chữa cháy khó di chuyển để tiếp cận sát đám cháy.	Rừng ở khu vực Nhóm tương đối bằng phẳng, các thành viên Nhóm chưa tiến hành thanh lý vườn, khai thác gỗ nên chưa phát hiện tác động của việc vận xuất gỗ cao su đến đường khai thác.

Bảng 2. Dự báo nguy cơ tiềm ẩn và giải pháp khắc phục

TT	Nội dung dự báo	Nguy cơ xảy ra	Giải pháp khắc phục
1	Cháy rừng do đốt thực bì.	Cao	Tuyên truyền nâng cao nhận thức, hạn chế việc sử dụng lửa để đốt thực bì. Nên xử lý thực bì bằng cách băm nhỏ thực bì và để thực bì tự phân hủy. Tập huấn kỹ thuật nâng cao năng lực cho người dân. Không được đốt xử lý thực bì khi có dự báo cháy rừng cấp 4 và cấp 5. Kết hợp với lực lượng chức năng giám sát chặt chẽ việc sử dụng lửa đốt xử lý thực bì vào mùa khô nóng. Trong trường hợp phải sử dụng biện pháp đốt xử lý thực bì cần thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật lâm sinh trong xử lý thực bì, đặc biệt là làm đường ranh đúng tiêu chuẩn và đốt đúng kỹ thuật.
2	Thiên tai như gió bão,	TB	Trồng hỗn giao các hàng cây bản địa vừa hạn chế cháy lan và là đai chắn gió an toàn cho



	nắng nóng kéo dài.		cây vườn cao su. Trồng lịch chu kỳ tránh rừng đều tuổi.
3	Đầu ra không ổn định.	TB	Ban Quản lý Nhóm Chứng chỉ cao su Linh Hương cần phối hợp với đại lý thu mua mủ uy tín, đảm bảo giá cả đầu ra cho hộ thành viên. Nhằm mục đích nâng cao giá trị mủ FSC đầu ra và giảm chi phí phát sinh do vận chuyển. Thường xuyên cập nhật và công khai giá cả thị trường và quy cách mua bán mủ cho các thành viên trong nhóm biết.
4	Trang phục bảo hộ và an toàn lao động.	TB	Trang bị các trang phục bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn, đặc biệt bảo hộ khi khai thác. Tập huấn nâng cao kỹ năng sử dụng phương tiện cơ giới, máy móc. Trang bị các túi cứu thương hiện trường và tập huấn về an toàn lao động cũng như cách sơ cấp cứu các tai nạn thường gặp trên hiện trường lô cao su.
5	Hư hỏng đường dân sinh.	TB	Giám sát tải trọng của các xe vận chuyển mủ. Đề xuất đóng góp quỹ cho địa phương để duy tu bảo dưỡng định kỳ đường dân sinh. Nếu quá trình vận chuyển gỗ gây hư hỏng trực tiếp cần có biện pháp yêu cầu khắc phục.
6	Sạt lở đường lâm sinh.	Thấp	Rừng ở khu vực đánh giá tương đối bằng . Tuy nhiên để tránh tác động đến các đường vận xuất trong và giữa các lô rừng, cần ưu tiên sử dụng, sửa chữa đường vận xuất sẵn có. Không thi công mở đường khai thác vào thời điểm mùa mưa chính của địa phương.
7	Sử dụng hóa chất, thuốc BVTV	Cao	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân nhằm hạn chế việc sử dụng hóa chất trong các hoạt động sản xuất nông-lâm nghiệp nói chung và lâm nghiệp nói riêng. Sử dụng đồ bảo hộ lao động phù hợp khi sử dụng hoá chất, thuốc BVTV



			Công khai danh mục các loại hoá chất cấm sử dụng trong Quản lý rừng bền vững tại các nhà hợp cộng đồng, Hợp tác xã.
8	Nguồn giống chưa đảm bảo.	Thấp	Đề xuất một số công ty cung cấp giống đảm bảo tiêu chuẩn. Xây dựng vườn ươm đạt tiêu chuẩn để cung cấp nguồn cây giống cho địa phương.

(Nguồn: Thảo luận nhóm và phân tích, 2025)

3.6. Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất kinh doanh cao su

Thông qua các buổi thảo luận nhóm, chúng tôi nhận thấy có nhiều nguy hiểm thường trực đối với người lao động tham gia vào hoạt động sản xuất lâm nghiệp. Trong đó, các mối nguy hiểm tập trung vào các nhóm hoạt động: trồng rừng (xử lý thực bì, đào hố làm đất, trồng cây), chăm sóc, bảo vệ, khai thác mủ/gỗ và vận xuất, vận chuyển.

Phần lớn các hoạt động sản xuất cao su có rủi ro cao là do thiếu các trang thiết bị bảo hộ lao động phù hợp và do tính chủ quan của người lao động.

Dựa trên việc nhận diện và dự báo các rủi ro tiềm ẩn có thể gây ra tai nạn cho người lao động trong quá trình sản xuất lâm nghiệp. Chúng tôi đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm hạn chế các thương tích nghiêm trọng.

Bảng 3. Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cao su

Mối nguy hiểm tiềm ẩn	Nguyên nhân	Giải pháp giảm thiểu
Bụi ảnh hưởng đến đường hô hấp.	Bụi từ đất đóng bầu làm ảnh hưởng đến đường hô hấp nếu không có khẩu trang bảo vệ.	Trang bị khẩu trang chống bụi đặc biệt khẩu trang chống bụi mịn.
Ngộ độc do tiếp xúc không an toàn với một số hoá chất.	Tiếp xúc trực tiếp không có các bảo hộ thích hợp.	Khi tiếp xúc trực tiếp phải có găng tay, khẩu trang, áo quần dài tay. Sau khi tiếp xúc cần tắm rửa sạch sẽ và thay áo quần.



Điện giạt.	Rò rỉ điện ở các vị trí đầu nối, tiếp xúc không có thiết bị an toàn.	Thường xuyên kiểm tra các điểm đầu nối, khi tiếp xúc với các dụng cụ điện phải dùng găng tay cách điện.
Các hoạt động khai thác mù/gỗ và chăm sóc vườn cao su có nguy cơ bị Các loài động vật độc như rắn, rết, bọ cạp, ong chích, cắn.	Đây là nguy cơ xảy ra khá cao vì các loại này thường ẩn nấp dưới các tầng thảm mục, tán cây...	Cần xua đuổi, đánh động cho các vật độc di chuyển khỏi vị trí chúng ta làm việc. Mang trang phục bảo hộ lao động như mũ vải mềm kín đầu chuyên dùng trong cạo mù, găng tay, ủng, áo quần bảo hộ dài tay để hạn chế nọc độc tiếp xúc vào cơ thể khi bị tấn công.
Bong, ngạt do lửa.	Do đốt thực bì trước khi trồng, nguy cơ cháy lan vào rừng và người dân tham gia chữa cháy.	Chú ý an toàn khi tham gia chữa cháy, cần tham gia các khoá tập huấn nâng cao kỹ năng phòng cháy và chữa cháy rừng. Khi thấy mối nguy hiểm từ đám cháy lớn thì không được tiến hành chữa cháy trực tiếp. Tuân thủ sự chỉ đạo của người chỉ huy chữa cháy.
Trơn trượt ngã trên các sườn dốc.	Rừng có độ dốc khá lớn. Nguy cơ trượt chân ngã khi di chuyển hoặc trồng rừng trên sườn dốc, đặc biệt là vào mùa mưa.	Sử dụng ủng có độ bám tốt vào mùa mưa khi tiến hành các hoạt động trên đất dốc.
Đá, đất lún, trượt theo sườn dốc.	Rừng núi có kết cấu đất yếu, độ dốc cao.	Sau khi mưa lớn cần kiểm tra nền đất trước khi tiến hành các hoạt động. Nếu thấy nền đất yếu cần dừng ngay các hoạt động.
Ngộ độc (nguồn nước, nấm độc, hoa quả, lá cây ở trong rừng).	Do sự chủ quan nên người dân bất cẩn trong việc sử dụng các loại thức ăn nước uống tự nhiên.	Không ăn các loại quả, nấm lạ. Nên chuẩn bị thức ăn, nước uống ở nhà và đem theo để đảm bảo an toàn.



Say nắng.	Tham gia trực tiếp dưới nắng nóng thời gian dài.	Đảm bảo thời gian nghỉ ngơi, tránh việc lạm dụng sức khoẻ và làm việc quá sức.
Cành cây khô mục gãy rơi xuống.	Cành nhánh khô nhưng chưa rơi xuống.	Khi chặt hạ, chăm sóc, khai thác mù chú ý kiểm tra cành nhánh khô trên tán cây, nếu có phải tác động cho cành nhánh khô rụng trước khi chặt hạ.
Xe trôi xuống dốc.	Rừng có độ dốc lớn. Không kiểm tra cẩn thận trước khi vận hành.	Phải thường xuyên kiểm tra hệ thống an toàn của xe tải trước khi vận hành..
Nước lũ cuốn.	Có nhiều khe suối trong rừng. Độ dốc lớn nên dễ có lũ lớn khi trời mưa.	Khi có mưa lớn, cần tìm chỗ tránh trú an toàn, không vượt qua các ngầm nước và các con suối. Hạn chế hoạt động trong mùa mưa.
Lật xe	Đường lâm sinh gồ ghề, khúc khuỷu. Có thể do chở quá tải. Hệ thống an toàn của xe không tốt.	Kiểm tra hệ thống an toàn của xe trước khi vận hành. Không chở quá tải trọng cho phép. Hạn chế hoạt động vào mùa mưa.

IV. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Đã phân tích và tổng hợp được các vấn đề tích cực mà hoạt động lâm nghiệp đem lại cho cộng đồng dân cư về kinh tế và xã hội bao gồm bốn nhóm chính: (1) Không xảy ra xung đột trong hoạt động trồng rừng giữa các bên liên quan; (2) Thay đổi về nhận thức theo chiều hướng tích cực trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp; (3) Tạo nguồn thu nhập cho người dân địa phương khi tham gia vào các hoạt động trồng, chăm sóc, khai thác...; (4) Tham gia vào nhóm chứng chỉ cao su đem lại lợi ích về kinh tế.

Thông qua phỏng vấn và khảo sát hiện trường, một số kết luận có thể khái quát hoá:

- Không có biểu hiện mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Nhóm và các hộ gia đình sống liền kề cũng như giữa các dân tộc trong ấp, cộng đồng, xã. Các



hoạt động của Nhóm Linh Hương không làm ảnh hưởng đến sức khỏe của các hộ lân cận. Người dân tộc trong khu vực được đối xử bình đẳng như người kinh và không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ các hoạt động quản lý Nhóm hộ.

- Các quyền hợp pháp, và quyền truyền thống của người dân tộc không bị ảnh hưởng khi Nhóm hộ chúng chỉ rừng thực hiện các hoạt động QLRBV tại địa phương.

- Các quyền, phong tục, văn hóa của người dân tộc tại địa phương được xác định trong UNDRIP và Công ước ILO, 169 không bị vi phạm.

- Trong khu vực điều tra đánh giá không thấy xuất hiện các địa điểm có ý nghĩa đặc biệt về văn hóa, sinh thái cảnh quan, kinh tế, tín ngưỡng hay tâm linh đối với người dân tộc tại khu vực này (Không hiện hữu rừng có giá trị bảo tồn cao HCVF5; HCVF6).

- Trong khu vực không thấy xuất hiện kiến thức truyền thống, bản địa của người dân tộc, hình thức canh tác của người dân tộc hiện tại cũng tương đồng với người kinh, người dân tộc học hỏi người kinh về kiến thức và kỹ thuật thâm canh trồng rừng Cao Su.

- Các hộ gia đình trồng rừng tự nguyện đăng ký tham gia nhóm chứng chỉ cao su, sử dụng lao động chính tại địa phương là những thành viên trong gia đình họ đủ tuổi lao động phù hợp với các nguyên tắc và quyền về việc làm được nêu trong mục 8 Công ước Lao động cốt lõi đã được ILO tuyên bố về Nguyên tắc và quyền cơ bản của người lao động.

- Không thấy bất cứ hình thức lao động cưỡng bức nào trong khu vực. Hoặc lao động trẻ em chưa đủ 16 tuổi tham gia lao động trong hoạt động Nhó

- Không có tranh chấp đất đai, diện tích đăng ký tham gia chứng nhận không có hoạt động chuyển đổi rừng tự nhiên sang trồng rừng từ trước năm 1994. Ranh giới lô rừng, thửa đất của Hộ gia đình/chủ sử dụng đất lâm nghiệp rõ ràng ở thực địa và trên bản đồ, người dân sử dụng ổn định lâu dài

- Trong quá trình khảo sát hiện trường, phát hiện có một số lăng mộ người thân được người dân chôn cất trong vườn nhà. Tuy nhiên, qua phỏng vấn chủ rừng, người dân địa phương cũng như tham vấn chính quyền địa phương cho thấy những lăng mộ này nằm trong khuôn viên vườn nhà, hoặc một số khu tập trung được tách rời, nhưng không bị tác động bởi các hoạt động sản xuất kinh doanh cao su. Ngược lại, bà con nâng cao ý thức gìn giữ vệ sinh môi trường ở các khu vực có lăng mộ.



- Được trang bị bảo hộ lao động và được tham gia các lớp tập huấn về an toàn lao động, tập huấn quy trình kỹ thuật QLRBV là bình đẳng như nhau trước pháp luật./.

- Hiện tại các thành viên của Nhóm cao su Linh Hương đều có nguyện vọng chỉ tham gia vào Nhóm để quản lý, bảo vệ và khai thác mù cao su FSC. Khi đến kỳ thanh lý vườn và tái canh, hộ sẽ xin ra khỏi nhóm trước khi thực hiện thanh lý vườn và tái canh để chủ động loài cây trồng phù hợp với thị trường và điều kiện của gia đình. Do đó, hiện tại chưa xảy ra các vấn đề về xã hội từ hoạt động khai thác gỗ và trồng lại vườn cao su.

Trong tổng số 110 hộ đăng ký tham gia Nhóm Chứng chỉ cao su Linh Hương, 100% số hộ đã có sổ đỏ hoặc hợp đồng giao khoán.

4.2. Kiến nghị

Ngoài các đề xuất đã được nêu cụ thể trên, để nâng cao hiệu quả về mặt xã hội và tính khả thi cho các giải pháp cần chú ý một số vấn đề sau:

Các hộ dân tham gia nhóm chứng chỉ cao su Linh Hương cần tuyên truyền cho người dân chưa tham gia vào nhóm biết được hiệu quả của việc trồng cao su theo tiêu chuẩn FSC, hiểu được những lợi ích về kinh tế, môi trường và xã hội khi tham gia vào quản lý rừng bền vững gắn với chứng chỉ rừng

Tăng cường sự tham gia của các cấp chính quyền và các bên liên quan trong công tác tuyên truyền mở rộng việc thực hiện quản lý rừng bền vững và làm cấp chứng chỉ rừng FSC cho hộ gia đình, góp phần tăng tính bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái - phát triển kinh tế xã hội cho địa phương.

Cần có các chế tài xử phạt đối với những hộ dân chưa chấp hành tốt các nguyên tắc và tiêu chí của tiêu chuẩn FSC như xả rác thải, sử dụng hoá chất không kiểm soát, đốt rừng không kiểm soát.

Đối với phần diện tích tham gia FSC tăng thêm hàng năm, cần tiến hành đánh giá tác động môi trường, tác động xã hội bổ sung nhằm duy trì và phát huy mặt tích cực, hạn chế tiêu cực ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường, kinh tế xã hội của người dân.

Thường xuyên trang bị và cập nhật các kiến thức về an toàn lao động cho người lao động. Luôn tuân thủ các quy trình sản xuất và các chỉ dẫn đề ra trong khi sử dụng máy móc thiết bị trong sản xuất.

Nhóm sẽ ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh ngay ở những nơi có xảy ra tranh



chấp, và những nơi hay bất cứ khi nào phát hiện có giá trị rõ rệt về văn hoá, sinh thái, kinh tế, tín ngưỡng của cộng đồng địa phương cho đến khi các biện pháp bảo vệ được thống nhất với cộng đồng địa phương, và tuân thủ theo các quy định bởi địa phương và luật quốc gia.



PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bảng hỏi thu thập thông tin từ hộ gia đình

Nội dung: Đánh giá tác động xã hội - SIA

Thời gian: Ngày ... thángnăm

I. THÔNG TIN HỘ GIA ĐÌNH

Câu 1. Họ và tên:.....

Câu 2. Địa chỉ:.....

Câu 3. Điện thoại:.....

Câu 4. Độ tuổi

a) Dưới 40 tuổi

b) Từ 41 đến 50 tuổi

c) Từ 51 đến 60 tuổi

d) Trên 60 tuổi

Câu 5. Dân tộc

a) Kinh

b) Dân tộc thiểu số (ghi cụ thể):.....

Câu 6. Nghề nghiệp chính hiện nay

.....

II. NỘI DUNG PHỎNG VẤN

Câu 1. Diện tích tham gia chứng chỉ bao nhiêu? Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không?

1. Có, bao nhiêu ha?.....

2. Không, bao nhiêu ha?.....

Câu 2. Ông/bà trồng cây gì trên diện tích rừng của gia đình?

1. Cao su

2. Cây bản địa, loài

3. Khác, loài gì?

Câu 3. Chu kỳ trồng rừng (kinh doanh rừng) của gia đình là mấy năm?

.....

Câu 4. Mật độ trồng rừng của ông/bà bao nhiêu?

.....

Câu 5. Ông/bà có xây dựng kế hoạch quản lý, khai thác rừng bền vững không?

.....

Câu 6. Các hội viên có ký cam kết thời gian khai thác không?

1. Có, bao nhiêu năm?

.....

2. Không

Câu 7. Thu nhập từ trồng rừng

Sản phẩm	Rừng chưa có chứng chỉ		Rừng có chứng chỉ	
	Mù (Triệu đồng)	Gỗ (Triệu đồng)	Mù (Triệu đồng)	Gỗ (Triệu đồng)
Trung bình năm		-		-



Khai thác	-		-	
-----------	---	--	---	--

Câu 8. Rừng có chứng chỉ và rừng không có chứng chỉ giá cả có khác biệt không?

1. Có, giá bán từng loại từng?.....
2. Không

Câu 9. Ông/bà cho biết cơ cấu thu nhập của gia đình trong 1 năm?

1. Nông nghiệp (%):
2. Lâm nghiệp (gỗ và mủ) (%):
3. Dịch vụ buôn bán (%):
4. Lương và ccs khoản thu nhập khác (%):

Câu 10. Ông/bà cho biết thu nhập từ hoạt động lâm nghiệp của gia đình trong 1 năm là bao nhiêu?

1. Từ bán mủ cao su:
2. Từ bán cây giống:
3. Từ các hoạt động khai thác lâm sản ngoài gỗ:
4. Từ hoạt động làm công:
- Trồng rừng:
- Khai thác:
- Vận chuyển gỗ:.....

Câu 11. Ông/bà có được tham gia các lớp tập huấn về Kỹ thuật khai thác gỗ/mủ an toàn lao động và sơ cấp cứu không?

.....

..

Câu 12. Ông/bà có trực tiếp khai thác gỗ/mủ hay không?

1. Có (gỗ hay mủ hay cả 2)
2. Không

Câu 13. Các phương pháp bảo đảm an toàn lao động trong:

13.1. Bảo hộ an toàn khi cưa cây?

1. Có, bảo hộ là gì?
2. Không, vì sao?

13.2. Bảo hộ an toàn khi bóc vỏ?

1. Có, bảo hộ là gì?
2. Không, vì sao?

13.3. Bảo hộ an toàn khi vận chuyển gỗ lên xe (bóc vát)?

1. Có, bảo hộ là gì?
2. Không, vì sao?

13.4. Bảo hộ an toàn khi cạo mủ cao su

1. Có, bảo hộ là gì?
2. Không, vì sao?

Câu 14. Ông/bà có giám sát các phương pháp bảo đảm an toàn lao động trong các khâu kinh doanh rừng hay không? Đặc biệt khi khai thác gỗ/mủ?

1. Có, khi giám sát ông/bà chú ý đến điều gì?
.....
2. Không



Câu 15. Đường dân sinh trong vùng có bị ảnh hưởng bởi quá trình vận chuyển gỗ hay không?

1. Có, ảnh hưởng như thế nào? Đề xuất cách khắc phục?

.....

2. Không

Câu 16. Hoạt động khai thác mủ cao su có ảnh hưởng đến đời sống của người dân xung quanh không?

1. Có, ảnh hưởng như thế nào? Đề xuất cách khắc phục?

.....

.....

.....

2. Không

--- Xin cảm ơn ông/bà đã hợp tác ---

**Phụ lục 2. Danh sách các hộ dân tiến hành khảo sát hiện trường**

TT	Họ và tên	Năm trồng	Xã	Tỉnh
1	Nguyễn Thị Kim Dung	2018	Phú Riềng	Đồng Nai
2	Trịnh Văn Huy	2018	Long Bình	Đồng Nai
3	Trịnh Văn Huy	2018	Long Bình	Đồng Nai
4	Trịnh Huy Anh	2017	Phú Trung	Đồng Nai
5	Trịnh Huy Anh	2017	Phú Trung	Đồng Nai
6	Trịnh Hoài Linh	2017	Bình Tân	Đồng Nai
7	Nguyễn Xuân Hoàng	2016	Thọ Sơn	Đồng Nai
8	Nguyễn Đình Hoạch	2016	Thọ Sơn	Đồng Nai
9	Nguyễn Đình Hoạch	2016	Thọ Sơn	Đồng Nai
10	Dương Bá Khiêm	2015	Phú Riềng	Đồng Nai
11	Danh Dư	2015	Phú Riềng	Đồng Nai
12	Lê Thị Liệu	2015	Bình Tân	Đồng Nai
13	Nguyễn Văn Khanh	2014	Thọ Sơn	Đồng Nai
14	Vũ Văn Đức	2014	Đồng Xoài	Đồng Nai
15	Hoàng Thị Thơm	2014	Đồng Xoài	Đồng Nai
16	Phùng Phú Phước	2013	Tân Hưng	Đồng Nai
17	Phùng Phú Phước	2013	Tân Hưng	Đồng Nai
18	Hà Thị Phúc	2013	Tân Hưng	Đồng Nai
19	Lưu Tấn Thành	2012	Long Hưng	Đồng Nai
20	Hoàng Thị Hương	2012	Tân Hưng	Đồng Nai
21	Phùng Thị Hà Phương	2012	Tân Hưng	Đồng Nai
22	Phùng Phú Phong	2012	Tân Hưng	Đồng Nai
23	Lưu Tấn Thành	2012	Phú Riềng	Đồng Nai
24	Phan Tấn Thanh	2011	Phú Riềng	Đồng Nai
25	Trịnh Thị Diễm Chi	2011	Phú Trung	Đồng Nai
26	Trịnh Hoài Linh	2011	Bình Tân	Đồng Nai
27	Nguyễn Văn Chiến	2010	Long Hưng	Đồng Nai
28	Nguyễn Thị Hạnh	2010	Bình Tân	Đồng Nai
29	Hồ Thị Mộng Liên	2010	Tân Hưng	Đồng Nai
30	Nguyễn Văn Thuận	2009	Phú Riềng	Đồng Nai
31	Trịnh Văn Huy	2009	Long Bình	Đồng Nai
32	Danh Don	2009	Phú Riềng	Đồng Nai
33	Lạc Thanh Hải	2008	Phú Riềng	Đồng Nai
34	Trần Thanh Vân	2008	Phú Riềng	Đồng Nai
35	Phạm Văn Tiếp	2008	Đảng Hà	Đồng Nai
36	Phạm Văn Vĩnh	2007	Phú Riềng	Đồng Nai
37	Nguyễn Thị Anh Thư	2007	Phú Riềng	Đồng Nai
38	Nguyễn Văn Khanh	2007	Thọ Sơn	Đồng Nai
39	Nguyễn Kinh	2006	Phú Riềng	Đồng Nai

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (SIA)**

40	Danh Dong	2006	Phú Riềng	Đồng Nai
41	Lưu Tấn Sáu	2006	Phú Riềng	Đồng Nai
42	Nguyễn Tiến Trung	2005	Long Hà	Đồng Nai
43	Lưu Tấn Sáu	2005	Phú Riềng	Đồng Nai
44	Vũ Văn Nghin	2005	Bình Tân	Đồng Nai
45	Nguyễn Văn Thành	2004	Bình Tân	Đồng Nai
46	Lưu Tấn Sáu	2004	Phú Riềng	Đồng Nai
47	Lưu Tấn Sáu	2004	Phú Riềng	Đồng Nai

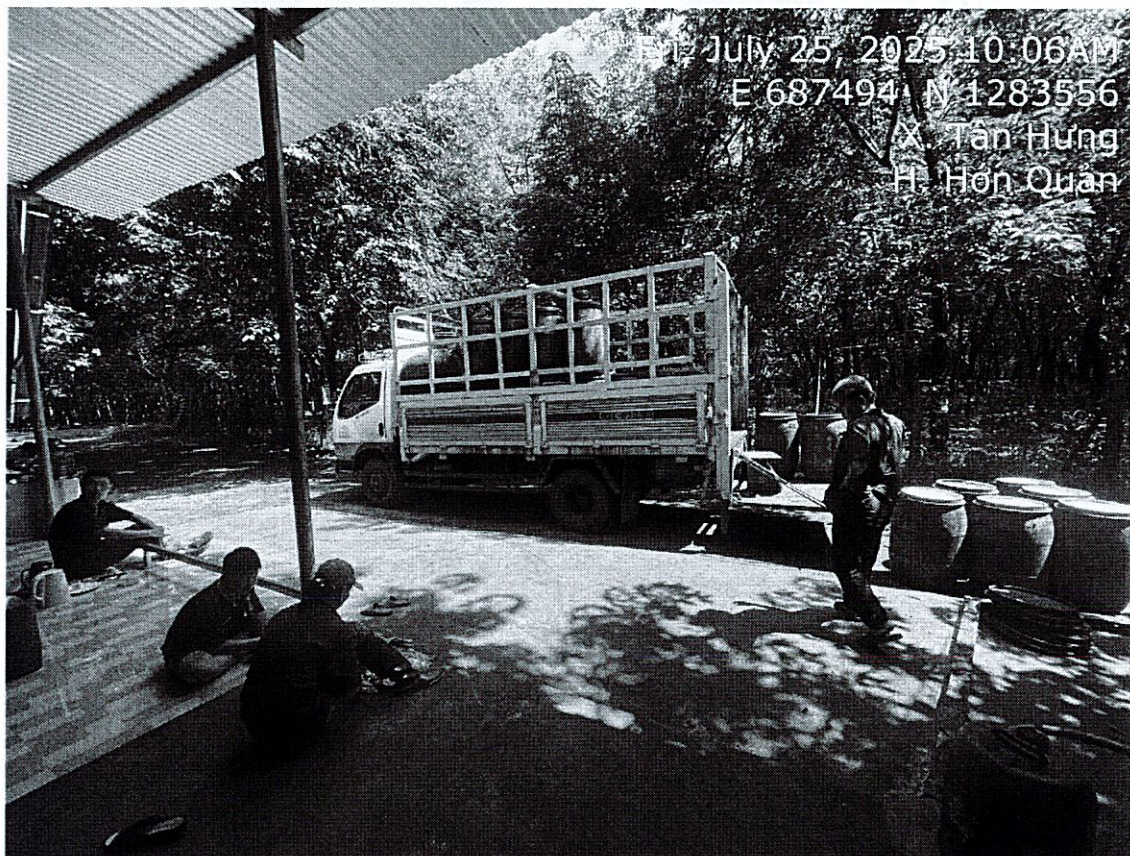


Phụ lục 3: Danh sách phỏng vấn

TT	Họ và tên	Xã	Tỉnh
1	Đàm Ngọc Quý	Long Hà	Đồng Nai
2	Nguyễn Tiến Trung	Long Hà	Đồng Nai
3	Chu Phúc Toàn	Phú Riềng	Đồng Nai
4	Lưu Tấn Thành	Phú Riềng	Đồng Nai
5	Danh Dong	Phú Riềng	Đồng Nai
6	Lần Thị Ngọc Phương	Phú Riềng	Đồng Nai
7	Kiều Thị Tám	Phú Riềng	Đồng Nai
8	Nguyễn Kim Hùng	Phú Riềng	Đồng Nai
9	Phùng Phú Phong	Tân Hưng	Đồng Nai
10	Phùng Phú Phước	Tân Hưng	Đồng Nai
11	Hoàng Thị Hương	Bình Tân	Đồng Nai
12	Hồ Khắc Minh	Bình Tân	Đồng Nai
13	Lê Thị Liễu	Bình Tân	Đồng Nai
14	Lê Thị Quỳnh Anh	Bình Tân	Đồng Nai
15	Nguyễn Thị Hạnh	Bình Tân	Đồng Nai
16	Phạm Văn Tiệp	Bình Tân	Đồng Nai
17	Nguyễn Văn Chiến	Bình Tân	Đồng Nai
18	Hồ Thị Mộng Liên	Bình Tân	Đồng Nai
19	Lê Hoàng Anh	Bình Tân	Đồng Nai
20	Trịnh Văn Huy	Bình Tân	Đồng Nai
21	Nguyễn Văn Sáu	Phú Nghĩa	Đồng Nai
22	Dương Bá Khiêm	Phú Riềng	Đồng Nai
23	Trịnh Hoài Linh	Phú Trung	Đồng Nai
24	Vũ Văn Phúc	Phú Trung	Đồng Nai

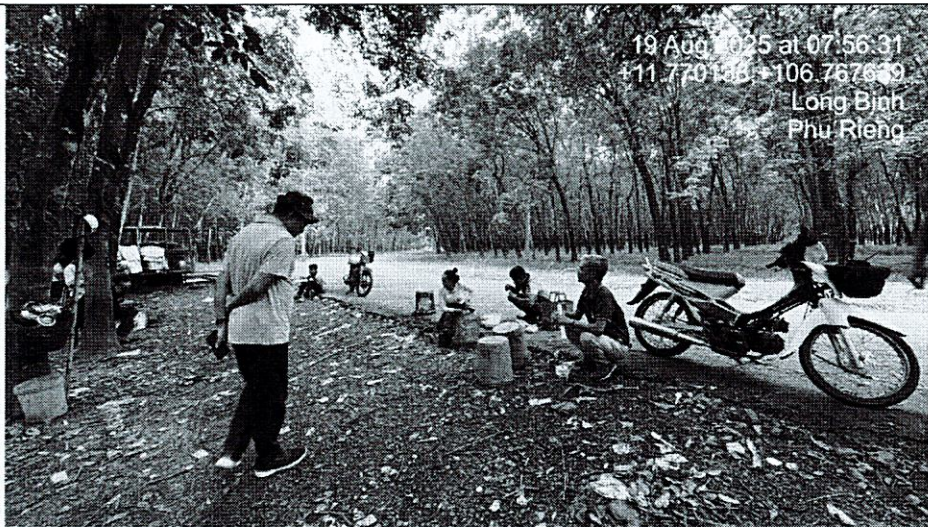


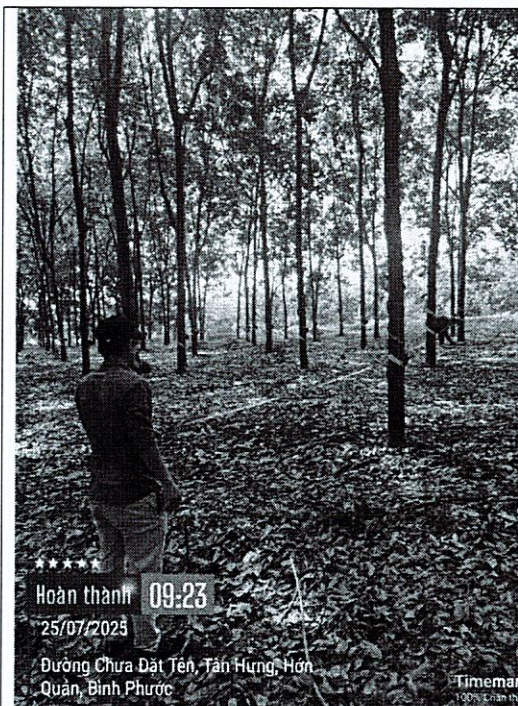
Phụ lục 4. Một số hình ảnh



Phỏng vấn các hộ
thành viên và hộ
dân xung quanh
khu vực chứng chỉ



	Trao đổi về BHLĐ và an toàn trong cạo mũ với chủ rừng và người cạo mũ
	Tập huấn về Tiêu chuẩn FSC và các nội dung liên quan



★★★★★
Hoàn thành 09:23
25/07/2025

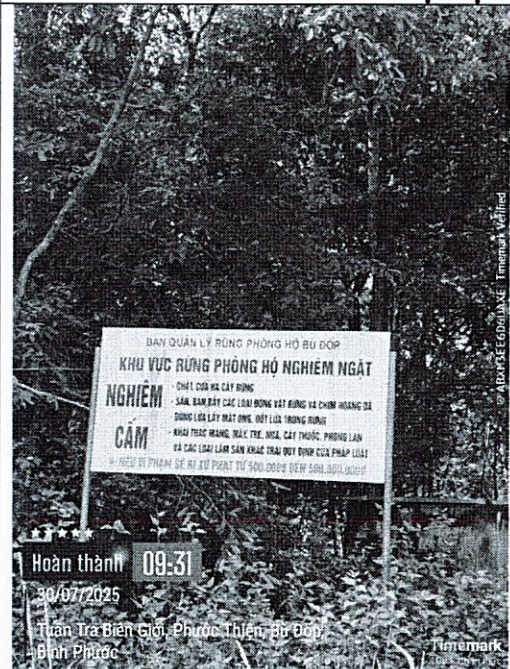
Đường Chứa Đất Tền, Tân Hưng, Hòn
Quần, Bình Phước

Timemark
100% chính xác

Khảo sát hiện trường kết hợp đo đếm trữ lượng cao su



Tuần tra bảo vệ diện tích RTN tại BQL RPH Bù Đốp



★★★★★
Hoàn thành 09:31
30/07/2025

Hàng Trại Biên Giới, Phước Thiên, Bù Đốp,
Bình Phước

Timemark
100% chính xác



★★★★★
Hoàn thành 09:31
30/07/2025

Hàng Trại Biên Giới, Phước Thiên, Bù Đốp,
Bình Phước

Timemark
100% chính xác